**KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY TUẦN 7**

|  |  |
| --- | --- |
| **Từ 21/10/2024 đến 25/10/2024** | |
| |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Thứ** | **Buổi** | **Tiết** | **Môn** | **Tên bài** | **Điều chỉnh** | | **Hai**  **(21/10)** | ***sáng*** | 1 | Chào cờ | Chào mừng ngày Phụ nữ Việt Nam 20-10 |  | | 2 | Toán 1 | Làm tròn số thập phân (tiết 1) | BT 1,2 | | 3 | Tiếng Việt 1 | Sự tích dưa hấu |  | | 4 | Tiếng Việt 2 | Sự tích dưa hấu |  | | ***Chiều*** | 1 | HĐTN | Đ/c Thu dạy |  | | 2 | Khoa học 1 | Đ/c Thu dạy |  | | 3 | Toán tăng | Số thập phân (tiếp theo). Số thập phân bằng nhau.  So sánh số thập phân (tiết 1) |  | | **Ba**  **(22/10)** | ***Sáng*** | 1 | Đạo đức | Bài 3: Em nhận biết khó khăn (tiết 1) |  | | 2 | Đạo đức | Bài 3: Em nhận biết khó khăn (tiết 2) |  | | ***Chiều*** | 1 | Toán 2 | Làm tròn số thập phân (tiết 2) | BT 3,4 | | 2 | Tiếng Việt 3 | Luyện tập tả người (Tả ngoại hình) |  | | 3 | TV tăng | Luyện tập tả người  *(Tả ngoại hình, hoạt động, tính cách)* |  | | **Tư**  **(23/10)** | ***Sáng*** | 1 | Tiếng anh | Đ/c Thùy dạy |  | | 2 | Tiếng anh | Đ/c Thùy dạy |  | | 3 | Toán 3 | Ôn tập về các đơn vị đo diện tích đã học |  | | 4 | Tiếng Việt 4 | Trao đổi: *Gian nan thử sức* |  | | ***Chiều*** | 1 | Thể dục | Đ/c Khiêm dạy |  | | 2 | LS & ĐL 1 | Bài5.NướcVănLang, ÂuLạc (T1) | HĐ 1  GDQPAN: Giáo dục tình yêu quê hương, yêu hòa bình, yêu Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Niềm tự hào tự tôn dân tộc, lòng biết ơn các anh hùng, liệt sĩ trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội. | | 3 | LS & ĐL 2 | Bài5.NướcVănLang, ÂuLạc (T2) | HĐ 2  GDQPAN: Giáo dục tình yêu quê hương, yêu hòa bình, yêu Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Niềm tự hào tự tôn dân tộc, lòng biết ơn các anh hùng, liệt sĩ trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội. | | **Năm**  **(24/10)** | ***Chiều*** | 1 | Toán 4 | Héc-ta (tiết 1) | BT 1,2,3 | | 2 | Tiếng Việt 5 | *“Vua tàu thuỷ” Bạch Thái Bưởi* | QCN: Quyền được học tập và giáo dục. Bổn phận xây dựng và phát huy tinh thần dân tộc. | | 3 | Toán tăng\* | Số thập phân (tiếp theo). Số thập phân bằng nhau.  So sánh số thập phân (tiết 2) |  | | **Sáu**  **(25/10)** | ***Sáng*** | 1 | Toán 5 | Héc-ta (tiết 2) | BT 4,5 | | 2 | Tiếng Việt 6 | Từ đa nghĩa |  | | 3 | Tiếng Việt 7 | Luyện tập tả người (Tả hoạt động, tính cách) |  | | 4 | TV tăng | Luyện tập về từđa nghĩa |  | | ***Chiều*** | 1 | Khoa học 2 | Năng lượng và năng lượng chất đốt (Tiết 2) | HĐ 2  QCN: Quyền được đảm bảo an toàn về tính mạng và sức khỏe | | 2 | Toán tăng | Ôn tập: Héc-ta |  | | 3 | Sinh hoạt | **HĐTN:** *Chủ đề 2: Hành trình khôn lớn (tháng 10)Nhật ký kiểm soát cảm xúc của em*  **Sinh hoạt lớp** |  | |

*Duyệt, ngày ..... tháng ..... năm 2024*

*Phó hiệu trưởng*

*Nguyễn Thị Hằng*

**Tuần 7**

*Thứ Hai ngày 21 tháng 10 năm 2024*

***Buổi sáng*****TIẾT 1: CHÀO CỜ**

**(Nội dung chủ đề theo sách tiết học HĐTN của khối lớp)**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1. KHỞI ĐỘNG (5 phút)**  **-** GV cho HS ổn định tổ chức, nhắc nhở, chỉnh đốn hàng ngũ, trang phục để thực hiện nghi lễ chào cờ.  **2. SINH HOẠT DƯỚI CỜ (15 phút)**  ***2.1. Thực hiện nghi lễ chào cờ***  - GV nhắc nhở HS chỉnh đốn hàng ngũ, thực hiện nghi lễ chào cờ.  ***2.2. Tổng kết công tác tuần, triển khai công tác tuần 7***  - GV trực ban nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của HS trong tuần 6.  - GV TPT triển khai hoạt động tuần 7.  + Tiếp tục duy trì sĩ số.  + Thực hiện nghiêm túc việc để xe đạp đúng nơi qui định*. (Mỗi học sinh đi xe đạp phải ghi đầy đủ tên – lớp sau yên xe ).* GVCN GVCN nhắc nhở HS đi xe ở lớp mình thực hiện.  + Duy trì tốt việc mặc đồng phục theo những ngày qui định.  + Tích cực tập luyện 6 động tác thể dục giữa giờ và múa hát tập thế *“ Bay cao tiếng hát ước mơ”.*  - Tổ chức thành lập và bồi dưỡng đội tuyển Bóng đá và Cờ Vua.  - Nâng cao chất lượng mô hình *“ Đôi bạn cùng tiến”*  + Tiếp tục thực hiện phong trào: ***“ Tiếng trống sạch trường, trường em xanh – sạch – đẹp”.***  **3. TRẢI NGHIỆM (20 phút)**  *- HS về lớp tiếp tục tham gia học tập tiết HĐTN của lớp mình.* | - HS chào cờ.  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe và thực hiện.  - HS về lớp thực hiện |

**Chào mừng ngày Phụ nữ Việt Nam 20-10**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

*Sau bài học này, HS sẽ:*

* Nhận diện được khả năng kiểm soát cảm xúc của bản thân.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

* *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.
* *Năng lực tự chủ và tự học:* biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.
* *Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

***Năng đặc thù:***

* *Năng lực thích ứng với cuộc sống:* nhận diện được cảm xúc của bản thân.
* *Năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động:* thực hiện nhận diện khả năng cảm xúc của bản thân và tự đánh giá.

**3. Phẩm chất**

* *Trách nhiệm:* có trách nhiệm với nhiệm vụ được giao trong hoạt động nối tiếp và các hoạt động trong nhóm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Đối với giáo viên**

* Giáo án, SGK, VBT Hoạt động trải nghiệm 5.
* Phiếu tổng hợp tư liệu, sản phẩm cá nhân,…
* Tranh, ảnh liên quan đến chủ đề

**2. Đối với học sinh**

* SGK, VBT Hoạt động trải nghiệm 5.
* Thực hiện nhiệm vụ trong SBT trước khi đến lớp.
* Đồ dùng học tập theo yêu cầu của GV.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **a. Mục tiêu:**Sau khi tham gia hoạt động, HS có khả năng:  - Tham gia biểu diễn và cổ vũ các tiết mục văn nghệ chào mừng ngày Phụ nữ Việt Nam 20-10.  - Trò chuyện về lịch sử và ý nghĩa ngày Phụ nữ Việt Nam.  **b. Cách tiến hành**  - Nhà trường tổ chức cho HS biểu diễn các tiết mục văn nghệ chào mừng ngày Phụ nữ Việt Nam. Các tiết mục văn nghệ đến từ HS tất cả các khối lớp. Khuyến khích sự đa dạng về hình thức các tiết mục múa, hát, nhảy....    - GV mới một số HS chia sẻ cảm xúc về các tiết mục văn nghệ và cảm xúc ngày tựu trường theo các câu hỏi gợi ý sau:  *+ Em ấn tượng với tiết mục văn nghệ nào nhất?*  *+ Hãy chia sẻ cụ thể những điều em thích ở tiết mục đó.*  - GV tổ chức trò chuyện về lịch sử và ý nghĩa ngày Phụ nữ Việt Nam. | - HS lắng nghe và tham gia theo sự hướng dẫn của GV.  - HS chia sẻ.  - HS tham gia trò chuyện. |

**ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY ( NẾU CÓ):**

........................................................................................................................................................................................................................................................................

……………………………………………………………..……………………………………………………………..

**Tiết 2 : TOÁN 1**

**BÀI 19. LÀM TRÒN SỐ THẬP PHÂN ( TIẾT 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

Sau bài học này, HS sẽ:

* Làm tròn được một số thập phân đến hàng đơn vị; hàng phần mười; hàng phần trăm.
* Vận dụng giải quyết các vấn đề đơn giản liên quan đến làm tròn số thập phân.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận với giáo viên và bạn bè để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

***Năng lực riêng:***

* Năng lực tư duy và lập luận toán học.
* Năng lực mô hình hóa.
* Năng lực giao tiếp và năng lực giải quyết vấn đề toán học.

**3. Phẩm chất**

* Chăm chỉ: Chăm học, ham học, có tinh thần tự học; chịu khó đọc sách giáo khoa, tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân.
* Trung thực: trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.
* Yêu thích môn học, sáng tạo, có niềm hứng thú, say mê các con số để giải quyết bài toán.
* Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, phát huy ý thức chủ động, trách nhiệm và bồi dưỡng sự tự tin, hứng thú trong việc học.

**II. PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ DẠY HỌC**

**1. Phương pháp dạy học**

* Vấn đáp, động não, trực quan, hoạt động nhóm.
* Nêu vấn đề, giải quyết vấn đề.

**2. Thiết bị dạy học**

**a. Đối với giáo viên**

* Giáo án.
* Bộ đồ dùng dạy, học Toán 5.
* Máy tính, máy chiếu.
* Bảng phụ, phiếu học tập.
* Hình vẽ trong SGK.

**b. Đối với học sinh**

* SHS.
* Vở ghi, dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú, kích thích sự tò mò của HS trước khi vào bài học.  **b. Cách thức tiến hành:**  - GV chiếu hình ảnh khởi động:    *-* GV đặt câu hỏi: “*Làm thế nào để làm tròn các số thập phân trên ?”*  - GV dẫn dắt: “*Trong bài học hôm nay chúng ta sẽ đi tìm hiểu câu trả lời cho câu hỏi trên “****Bài 19: Làm tròn số thập phân****”.*  **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **a. Mục tiêu:** Nhận biết cách làm tròn số thập phân.  **b. Cách thức tiến hành**  *1. Làm tròn số thập phân đến hàng đơn vị.*  - GV đưa **ví dụ 1:***Làm tròn các số 6,2; 6,7 đến hàng đơn vị.*  - GV vẽ (hoặc treo) tia số lên bảng lớp cho HS quan sát:  + HS thực hiện đọc các số thập trên tia số từ 6,0 đến 7,0.  + Tìm vị trí của số 6,2 và 6,7    + GV đặt câu hỏi: “Các em quan sát và cho biết số 6,2 gần với số tự nhiên nào hơn?”  Khi làm tròn số 6,2 đến hàng đơn vị, ta được số 6  + GV đặt câu hỏi: “Các em quan sát và cho biết số 6,7 gần với số tự nhiên nào hơn?”  Khi làm tròn số 6,7 đến hàng đơn vị, ta được số 7  ***Khi làm tròn đến hàng đơn vị, ta được số tự nhiên gần số đó hơn.***  + Nhận xét vị trí của số 6,5.  *Quy ước: Khi làm tròn số 6,5 đến hàng đơn vị, ta được số 7.*  - GV hướng dẫn HS làm tròn số khi không có trục số.  + Khi làm tròn số thập phân đến hàng đơn vị, ta quan sát chữ số hàng nào?  + Nếu chữ số hàng phần mười là 0; 1; 2; 3; 4 thì khi làm tròn chữ số hàng đơn vị sẽ thế nào?  + Nếu chữ số hàng phần mười là 5; 6; 7; 8; 9 thì khi làm tròn chữ số hàng đơn vị sẽ thế nào?  + Sau khi làm tròn thì phần thập phân bằng bao nhiêu?  - GV khái quát lại cách làm tròn số thập phân đến hàng đơn vị:  **Khi làm tròn số thập phân đến hàng đơn vị:**   * ***Nếu chữ số hàng phần mười bé hơn 5 thì giữ nguyên chữ số hàng đơn vị.*** * ***Nếu chữ số hàng phần mười lớn hơn hoặc bằng 5 thì thêm 1 vào chữ số hàng đơn vị.*** * ***Sau khi làm tròn số đến hàng đơn vị thì phần thập phân là 0.***   *2. Làm tròn số thập phân đến hàng phần mười, đến hàng phần trăm.*  - GV đưa **ví dụ 2**: *Làm tròn các số 3,63; 3,68 và 3,65 đến hàng phần mười.*  + HS hãy vẽ tia số trên đoạn 3,6 đến 3,7 và thực hiện tìm ví trí của số 3,63 và 3,68.  + GV đặt câu hỏi: “Các em quan sát và cho biết số 3,63 gần với số nào hơn?”  Khi làm tròn số 3,63 đến hàng phần mười, ta được số 3,6  + GV đặt câu hỏi: “Các em quan sát và cho biết số 3,68 gần với số nào hơn?”  Khi làm tròn số 3,68 đến hàng phần mười, ta được số 3,7  + Nhận xét vị trí của số 3,65.  *Quy ước: Khi làm tròn số 3,65 đến hàng phần mười, ta được số 3,7.*  - GV hướng dẫn HS làm tròn số khi không có trục số.  + Khi làm tròn số thập phân đến hàng phần mười, ta quan sát chữ số hàng nào?  + Nếu chữ số hàng phần trăm là 0; 1; 2; 3; 4 thì khi làm tròn chữ số hàng đơn vị sẽ thế nào?  + Nếu chữ số hàng phần trăm là 5; 6; 7; 8; 9 thì khi làm tròn chữ số hàng đơn vị sẽ thế nào?  - GV khái quát lại cách làm tròn số thập phân đến hàng phần mười:  **Khi làm tròn số thập phân đến hàng phần mười:**   * ***Nếu chữ số hàng phần trăm bé hơn 5 thì giữ nguyên chữ số hàng phần mười.*** * ***Nếu chữ số hàng phần trăm lớn hơn hoặc bằng 5 thì thêm 1 vào chữ số hàng phần mười.***   - GV đưa **ví dụ 2**: *Làm tròn các số 3,172; 3,176 và 3,175 đến hàng phần trăm.*  + HS quan sát tia số trên đoạn 3,17 đến 3,18 và thực hiện tìm ví trí của số 3,172 và 3,176.  + GV đặt câu hỏi: “Các em quan sát và cho biết số 3,172 gần với số nào hơn?”  Khi làm tròn số 3,172 đến hàng phần trăm, ta được số 3,17  + GV đặt câu hỏi: “Các em quan sát và cho biết số 3,176 gần với số nào hơn?”  Khi làm tròn số 3,176 đến hàng phần trăm, ta được số 3,18  + Nhận xét vị trí của số 3,175  *Quy ước: Khi làm tròn số 3,65 đến hàng phần mười, ta được số 3,7.*  - GV đặt câu hỏi: “Tương tự với cách làm tròn số thập phân đến hàng phần mười, các em hãy nêu cách làm tròn số thập phân đến hàng phần trăm”.  - GV khái quát lại cách làm tròn số thập phân đến hàng phần trăm:  **Khi làm tròn số thập phân đến hàng phần trăm:**   * ***Nếu chữ số hàng phần nghìn bé hơn 5 thì giữ nguyên chữ số hàng phần trăm.*** * ***Nếu chữ số hàng phần nghìn lớn hơn hoặc bằng 5 thì thêm 1 vào chữ số hàng phần trăm.***   **C. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH, LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:**  - HS hoàn thành các bài tập 1; 2; 3; 4; 5 trong SGK  **b. Cách thức tiến hành**  ***Nhiệm vụ 1: Hoàn thành BT1***  *Làm tròn các số sau đến hàng đơn vị:*  *a) 8,3 b) 12,52 c) 36,738*  - GV cho HS thảo luận nhóm đôi, nói cho nhau nghe cách làm và trình bày vào vở cá nhân.  - GV mời 1 HS trình bày kết quả, khuyến khích HS giải thích.  - GV chữa bài, chốt đáp án.  ***Nhiệm vụ 2: Hoàn thành BT2***  *Làm tròn các số sau đến hàng phần mười:*  *a) 9,25 b) 12,34 c) 23,296*  - GV cho HS làm bài vào vở cá nhân.  - HS đổi vở, chữa bài và nói cho bạn nghe cách làm.  - GV chữa bài, chốt đáp án đúng.  **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, TRẢI NGHIỆM**  **a. Mục tiêu:** Vận dụng viết số thập phân.  **b. Cách thức tiến hành**  ***Nhiệm vụ 1: Hoàn thành BT***  *a) Làm tròn số 23,14 đến hàng đơn vị ta được:*   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | *A. 23.* | *B. 23,1.* | *C. 24.* | *D. 24,1.* |   *b) Làm tròn số 23,69 đến hàng phần mười ta được:*   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | *A. 23,6* | *B. 23,7* | *C. 24* | *D. 24,6.* |   *c) Làm tròn số 13,654 đến hàng phần trăm ta được:*   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | *A. 13,66* | *B. 13,64* | *C. 13,65* | *D. 14,7.* |   *d) Mẹ đi chợ mua một quả dưa hấu nặng 2,175kg. Vậy quả dưa của mẹ nặng khoảng:*   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | *A. 4kg.* | *B. 3kg.* | *C. 1kg.* | *D. 2kg.* |   *e) Hưng có chiều cao 115,7cm. Vậy chiều cao của Hưng khoảng:*   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | *A. 115m.* | *B. 116.* | *C. 110m.* | *D. 120m.* |   - GV cho HS làm bài cá nhân sau đó chia sẻ đáp án với bạn cùng bàn.  - GV mời một vài HS chia sẻ đáp án. Giải thích tại sao lại chọn phương án đó.  - GV chữa bài, chốt đáp án đúng.  **\* CỦNG CỐ**  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  **\* DẶN DÒ**  - Ôn tập kiến thức đã học*.* | - HS chú ý nghe, hình thành động cơ học tập.  - HS quan sát  Đọc các số thập phân từ 6,0 đến 7,0 trên vạch tia số.  + Số 6,2 gần với số 6 hơn.  + Số 6,7 gần với số 7 hơn.  + Số 6,5 cách đều hai số 6 và 7.  - HS theo dõi, trả lời:  + Hàng phần mười.  + Giữ nguyên  + Cộng thêm 1 đơn vị.  + Phần thập phân là 0.  - HS theo dõi, ghi chép bài vào vở cá nhân.  - HS trả lời    + Số 3,63 gần với số 3,6 hơn.  + Số 3,68 gần với số 3,7 hơn.  + Số 3,65 cách đều hai số 3,6 và 3,7.  - HS theo dõi, trả lời:  + Hàng phần trăm.  + Giữ nguyên  + Cộng thêm 1 đơn vị.  - HS theo dõi, ghi chép bài vào vở cá nhân.  - HS nhắc lại .  - HS trả lời    + Số 3,172 gần với số 3,17 hơn.  + Số 3,176 gần với số 3,18 hơn.  + Số 3,175 cách đều hai số 3,176 và 3,18.  - HS theo dõi, suy nghĩ trả lời.  - HS theo dõi, ghi chép bài vào vở cá nhân.  - HS nhắc lại .  - HS hoàn thành bài theo yêu cầu.  - Kết quả:  *a) Số thập phân 8,3 làm tròn đến hàng đơn vị được 8.*  *b) Số thập phân 12,52 làm tròn đến hàng đơn vị được 13.*  *c) Số thập phân 36,738 làm tròn đến hàng đơn vị được 37.*  - HS hoàn thành bài theo yêu cầu.  - Kết quả:  *a) Số thập phân 9,25 làm tròn đến hàng phần mười được 9,3.*  *b) Số thập phân 12,34 làm tròn đến hàng phần mười được 12,3.*  *c) Số thập phân 23,296 làm tròn đến hàng phần mười được 23,3.*  - HS chú ý lắng nghe, tiếp thu và rút kinh nghiệm.  - HS chú ý nghe  HS thực hiên |

**ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY ( NẾU CÓ):**

............................................................................................................................................................................................................................................................................

…………………………………………………………………………

**TIẾT 3 + 4: TIẾNG VIỆT 1+2**

**SỰ TÍCH DƯA HẤU**

**CHIA SẺ VỀ CHỦ ĐIỂM**

**1. Trò chơi: Hái hoa tìm từ**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho HS và từng bước làm quen với chủ điểm.  **b. Tổ chức thực hiện**  **Nhiệm vụ 1: Chuẩn bị:**  a) GV chuẩn bị: *mô hình cây gắn nhiều bông hoa giấy, trên mỗi bông hoa có sẵn băng dính 2 mặt để đính phiếu hỏi vào hoa.*    b) HS chuẩn bị:  - 1 CH/ yêu cầu cùng đáp án về thành ngữ tục ngữ  - GV hướng dẫn HS viết CH/ yêu cầu lên phiếu. Gấp phiếu lại và đính vào mỗi bông hoa trên cây 1 câu đố.  **Nhiệm vụ 2. Tham gia trò chơi**  - GV hướng dẫn cách chơi:  *+ GV nêu luật chơi (kết hợp chỉ câu 1): Có 2 câu tục ngữ a, b. Trong 2 câu tục ngữ đó có 3 hình ảnh tương ứng với 3 từ khoá. Nhiệm vụ của các em là thay các hình ảnh đó bằng từ thích hợp để hoàn chỉnh 2 câu tục ngữ trên cả về nội dung và cấu tạo.*  *+Yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi trong 2 phút, tìm từ thay cho hình.*  - GV tổ chức cho HS chơi theo hướng dẫn. GV tổ chức chơi theo hình thức “truyền điện”.  *a) Lửa thử vàng, gian nan thử sức.*  *b) Chớ thấy sóng cả mà ngã tay chèo.*  **Nhiệm vụ 3: Rút ra nhận xét**  - GV có thể gợi ý để HS tìm nội dung phù hợp với mỗi câu tục ngữ mới hoàn thành. VD: GV cho 4 nội dung gợi ý sau đây để HS chọn 2 nội dung phù hợp với 2 câu tục ngữ: (1) Không nên cho vàng vào lửa vì làm như vậy sẽ khiến vàng bị chảy; (2) Chớ nản lòng khi gặp khó khăn vì khó khăn tôi luyện con người; (3) Đừng thấy khó khăn mà bỏ mục tiêu đã chọn; (4) Không nên chèo thuyền ở nơi có sóng lớn.  - GV nhận xét, nêu câu trả lời đúng:  a) Câu tục ngữ Lửa thử vàng, gian nan thử sức khuyên ta chớ nản lòng khi gặp khó khăn.  b) Câu tục ngữ Chớ thấy sóng cả mà ngã tay chèo khuyên ta quyết tâm theo đuổi mục tiêu đã chọn. | - HS quan sát, chuẩn bị.  - HS thực hiện theo hướng dẫn của GV.  - HS thực hiện theo hướng dẫn.  - HS thực hiện theo hướng dẫn.  - HS thực hiện theo hướng dẫn.  - HS chú ý lắng nghe.  - HS lắng nghe, tiếp thu. |

**2. Giáo viên giới thiệu chủ điểm và Bài đọc 1.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **a. Mục tiêu:** HS lắng nghe GV giới thiệu chủ điểm, bài đọc mở đầu chủ điểm, chuẩn bị vào bài đọc mới.  **b. Tổ chức thực hiện**  **-** GV dẫn dắt vào bài học: *Qua trò chơi Truyền điện, các em đã hoàn chỉnh được hai câu tục ngữ nói về ý chí, nghị lực. Những câu tục ngữ đó khuyên chúng ta kiên trì vượt qua thử thách, không nản lòng khi gặp khó khăn. Bài học 4 Có chí thì nên sẽ giúp các em hiểu kĩ hơn về ý chí và nghị lực. Trước hết, hôm nay, cô (thầy) và các em sẽ đọc bài Sự tích dưa hấu, một câu chuyện rất thú vị và có ý nghĩa rất sâu sắc. Chúng ta cùng đọc để biết câu chuyện đó hay và có ý nghĩa như thế nào nhé!* | - HS lắng nghe, chuẩn bị vào bài mới. |

**ĐỌC 1: SỰ TÍCH DƯA HẤU *(2 tiết)***

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

Sau bài học này, HS sẽ:

* Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng các từ ngữ có âm, vần, thanh mà HS địa phương dễ viết sai. Ngắt nghỉ hơi đúng. Thể hiện được tình cảm, cảm xúc phù hợp với nội dung bài đọc. Tốc độ đọc 90 – 100 tiếng / phút.
* Hiểu nghĩa của các từ ngữ khó trong bài. Hiểu nội dung và ý nghĩa của bài đọc: Thông qua sự tích dưa hấu, bài đọc đề cao tinh thần tự lực, quyết tâm vượt qua mọi khó khăn để thành công.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

* *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Biết cùng các bạn thảo luận nhóm.
* *Năng lực tự chủ và tự học:*trả lời đúng các câu hỏi đọc hiểu.

***Năng lực văn học***

* Phát hiện được những từ ngữ và chi tiết hay; bày tỏ được sự yêu thích đối với những chi tiết, hình ảnh ấy.

**3. Phẩm chất**

* Bồi dưỡng phẩm chất chăm chỉ: Thể hiện ở tinh thần quyết tâm khắc phục khó khăn, cố gắng học tập và lao động.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**a. Đối với giáo viên**

* SGK Tiếng Việt 5, SGV Tiếng Việt 5, Vở bài tập Tiếng Việt 5.
* Máy tính, máy chiếu.

**b. Đối với học sinh**

* SGK Tiếng Việt 5, Vở bài tập Tiếng Việt 5.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu**  - Tạo tâm thế hứng thú cho HS và từng bước làm quen bài học.  **b. Tổ chức thực hiện**  - GV tổ chức cho HS xem tranh và đặt câu hỏi: *Trong bài đã viết về quả gì ?*  - GV mời HS chia sẻ.  - GV nhận xét và gợi ý: *Quả dưa hấu.*  *-* GV dẫn dắt, giới thiệu vào bài mới: *Hẳn là các em đã nhiều lần được ăn những miếng dưa hấu đỏ tươi,*  *mát lành và ngọt lịm. Các em có biết ai là người tìm ra giống dưa quý đó không? Hôm nay, các em cùng đọc bài Sự tích dưa hấu để có câu trả lời. Ngoài việc giải thích về nguồn gốc của trái dưa hấu, câu chuyện còn cho chúng ta biết một tấm gương về ý chí và nghị*  *lực vượt qua khó khăn. Các em hãy đọc bài để biết đó là ai nhé!*  **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1: Đọc thành tiếng**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS:  - Lắng nghe GV đọc mẫu, hướng dẫn đọc, luyện đọc từ khó, luyện cách ngắt nghỉ và đọc câu thể hiện cảm xúc của nhân vật.  - Đọc được bài đọc trong nhóm và trước lớp.  **b. Tổ chức thực hiện**  - GV đọc mẫu cho HS nghe: *Giọng đọc chậm rãi, tình cảm; nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật trong câu chuyện,...*  - GV hướng dẫn HS đọc và luyện đọc một số từ khó, hướng dẫn cách ngắt nghỉ, luyện đọc một số câu dài và luyện đọc một số câu thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật:  *+ Luyện đọc một số từ khó: nhún nhường, chịu thương chị khó, hoang vu, trời luôn có mặt,…*  *+ Luyện đọc câu dài:*   * *Hai vợ chồng làm nhà cửa,/ tìm nguồn nước,/ đánh cá,/… để sinh sống.// Bỗng một hôm,/ có đàn chim từ đầu bay đến/, nhả xuống bãi cát mấy hạt cây.// Ít lâu sau,/ hạt nảy mầm,/ mọc ra một loại cây bò lan,/ xanh um cả bãi cát.// Rồi cây ra quả.// Hoá ra,/ đó là một loại dưa/ ruột đỏ tươi,/ hạt đen nhánh,/ vị ngọt/ và thanh mát.// Từ hôm đó,/ hai vợ chồng/ cố trồng thêm thật nhiều dưa làm thức ăn.//* * *Một hôm,/ có chiếc thuyền đánh cá đi lạc ra đảo.// Mai An Tiêm/ giúp người trên thuyền/ sửa buồm lái/ để trở về,/ không quên gửi tặng dưa để người ở đất liền nếm thử.// Tiếng đồn về loại dưa ngon lan xa.// Từ đó,/ các tàu buôn tấp nập ghế đến đổi hàng lấy dưa.// Gia đình An Tiêm lại sống đầy đủ như xưa.//* * *Một lần,/ Vua Hùng sai người/ ra đảo dò xét xem An Tiêm sống thế nào.// Nghe sứ thần kể lại,/ nhà vua khen thầm vợ chồng người con,/ bèn cho triệu họ về.// Hạt giống An Tiêm đem về/ được dân chúng trồng ở những vùng đất cát,/ trở thành một thứ cây danh tiếng.// Đó là cây dưa hấu ngày nay.//*   *+ Luyện đọc một số câu thể hiện cảm xúc của nhân vật:*   * *Tất cả cũng là nhờ chịu thương chịu khó thôi.* * *Cho nó ra một đảo hoang xem nhờ ai mà nó có cuộc sống như hôm nay. Thế là vợ chồng chàng bị đày ra một đảo xa.* * *Chúng ta chết ở đây mất thôi* * *Trời luôn có mắt. Nàng đừng lo!*   - GV tổ chức cho HS đọc thành tiếng đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp. Bài đọc có thể chia thành bốn đoạn để luyện đọc và tìm ý:  *+ Đoạn 1: Từ đầu đến “ra một đảo xa”.*  *+ Đoạn 2: Tiếp theo đến “làm thức ăn”.*  *+ Đoạn 3: Tiếp theo đến “đầy đủ như xưa”.*  *+ Đoạn 4: Còn lại.*  *\* Tùy thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để tuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.*  **Hoạt động 2: Đọc hiểu**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS:  - Giải nghĩa được một số từ khó.  - Đọc thầm lại bài đọc và trả lời các câu hỏi liên quan đến bài đọc.  - Nắm được nội dung, ý nghĩa của bài đọc.  **b. Tổ chức thực hiện**  - GV hướng dẫn HS giải nghĩa một số từ khó:  *+ Nhún nhường: khiêm tốn trong quan hệ giao tiếp.*  *+ Chịu thương chịu khó: chăm chỉ, cố gắng lao động, không ngại khó khăn, vất vả.*  *+ Hoang vu: (vùng đất) bỏ không, cây cỏ mọc tự nhiên, chưa hề có tác động của con người.*  *+ Trời luôn có mắt: ý nói cuộc đời rất công bằng, người tốt nhất định không phải chịu thiệt thòi, kẻ xấu không thể mãi đắc ý.*  - GV tổ chức cho HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận trong nhóm hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi dưới đây:  *+ Câu 1. Vì sao Vua Hùng tin dùng và gả con gái nuôi cho Mai An Tiêm?*  *+ Câu 2. Vì sao gia đình Mai An Tiêm bị nhà vua đày ra đảo xa?*  *+ Câu 3. Theo em, phẩm chất nào đã giúp vợ chồng Mai An Tiêm vượt qua khó khăn?*  *+ Câu 4. Em thích câu nói nào của Mai An Tiêm? Vì sao?*  *+ Câu 5. Chi tiết nhà vua khen thầm và cho triệu gia đình Mai An Tiêm trở về nói lên điều gì?*  - GV mời 1 – 2 HS trả lời câu hỏi, các HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án:  *+ Câu 1: Vì Mai An Tiêm rất tài giỏi.*  *+ Câu 2: Vì Mai An Tiêm nói rằng những điều mình có được là nhờ chịu thương chịu khó; có kẻ ghen ghét, tâu với Vua Hùng, khiến Vua nghĩ rằng Mai An Tiêm vô ơn.*  *+ Câu 3: HS trả lời theo suy nghĩ, quan điểm cá nhân. VD: Đó là phẩm chất chăm chỉ / quyết tâm / không chịu đầu hàng khó khăn / thông minh, sáng tạo / ...*  *+ Câu 4: HS trả lời theo suy nghĩ, quan điểm cá nhân. VD:*   * *Em thích câu nói “Tất cả cũng là nhờ chịu thương chịu khó thôi.”. Vì câu nói đó cho thấy Mai An Tiêm rất chăm chỉ / tự tin vào những nỗ lực của mình. / Vì câu nói đó cho thấy Mai An Tiêm rất khiêm tốn. / ... Em thích hai câu “Trời luôn có mắt. Nàng đừng lo!”. Vì hai câu nói đó cho thấy Mai An Tiêm rất tự tin / rất quyết tâm / rất dũng cảm / rất mạnh mẽ. / Vì hai câu nói đó cho thấy Mai An Tiêm là người rất bình tĩnh / không bao giờ lùi bước trước khó khăn. / Vì hai câu nói đó cho thấy Mai An Tiêm rất tin vào lẽ công bằng. / …*   *+ Câu 5: HS trả lời theo suy nghĩ, quan điểm cá nhân. VD: Ý chí, nghị lực có thể giúp con người vượt qua mọi khó khăn. / Ý chí, nghị lực có thể giúp con người thành công. / Ý chí, nghị lực của một người có thể khiến người khác chuyển từ tức giận thành yêu thương. / ...*  **Hoạt động 3: Đọc nâng cao**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS:  - Nhắc lại được nội dung, ý nghĩa bài đọc; xác định được giọng đọc của nhân vật.  - Luyện đọc trong nhóm và trước lớp.  **b. Tổ chức thực hiện**  - GV mời đại diện 1 – 2 HS nhắc lại nội dung, ý nghĩa bài đọc *Sự tích dưa hấu.*  - GV tổ chức cho HS đọc nối tiếp đoạn 2, 3và xác định giọng đọc đoạn này:*Đọc diễn cảm một số câu thể hiện lời nói của các nhân vật; giọng đọc phù hợp với nhân vật; ngắt nghỉ đúng chỗ; biết nhấn mạnh vào những từ ngữ quan trọng.*  - GV tổ chức cho HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn 2 và 3.   * *Hôm đặt chân lên bãi cát hoang vu, / vợ chàng lo lắng bảo: //*   *- Chúng ta chết ở đây mất thôi. //*  *- Trời luôn có mắt. // Nàng đừng lo! //*  *- An Tiêm an ủi vợ.*   * *Ít lâu sau, / hạt nảy mầm, / mọc ra một loại cây bò lan, / xanh um cả bãi cát. // Rồi cây ra quả. // Hoá ra, / đó là một loại dưa ruột đỏ tươi, / hạt đen nhánh, / vị ngọt và thanh mát. // Từ hôm đó, / hai vợ chồng cố trồng thêm thật nhiều dưa làm thức ăn.*   - GV mời 1 – 2 HS khá, giỏi đọc cả bài, các HS khác lắng nghe, nhận xét (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá hoạt động của lớp.  **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS:  - Củng cố kiến thức bài đọc *Sự tích dưa hấu*.  **b. Tổ chức thực hiện**  - GV tổ chức trò chơi *Ai thông minh hơn học sinh lớp 5* để HS củng cố bài.  - GV phổ biến trò chơi như sau: *GV sẽ chiếu từng câu hỏi trắc nghiệm lên màn hình, HS giơ tay phát biểu sau hiệu lệnh của GV. HS nào trả lời được nhiều câu đúng sẽ được phần thưởng từ GV.*  - GV chiếu từng câu hỏi lên màn hình:  ***+ Câu 1: Theo em, vì sao nhà vua lại tức giận khi biết rằng Mai An Tiêm nói "Tất cả cũng là nhờ chịu thương chịu khó thôi"?***  *A. Vì nhà vua cho rằng Mai An Tiêm đã thiếu tôn trọng mình*  *B. Vì nhà vua ganh ghét với sự tài giỏi và cuộc sống gia đình hạnh phúc của Mai An Tiêm*  *C. Vì nhà vua cho rằng mọi thứ Mai An Tiêm có là do mình ban cho chứ không phải do năng lực của anh*  *D. Vì nhà vua vốn đã ghét Mai An Tiêm, nên nhân cơ hội này để xử phạt*  ***+ Câu 2: Vì sao mọi người thường khen Mai An Tiêm may mắn?***  *A. Vì Mai An Tiêm được cưới người con gái xinh đẹp, hiền thục nhất*  *B. Vì Mai An Tiêm được Vua Hùng ban cho nhiều vàng bạc châu báu*  *C. Vì Mai An Tiêm được làm con rể Vua Hùng*  *D. Vì Mai An Tiêm được làm quan trong triều*  ***+ Câu 3: Nêu nhận xét của em về nhân vật Mai An Tiêm trong câu chuyện.***  *A. Mai An Tiêm là một người tốt bụng, tuy không quen biết nhưng vẫn sẵn sàng giúp người đánh cá đi lạc sửa lại chiếc buồm lái*  *B. Mai An Tiêm là một người rất tài giỏi, có ý chí kiên cường, luôn kiên trì nỗ lực để vượt qua mọi khó khăn*  *C. Mai An Tiêm là một người chồng rất yêu thương vợ của mình, luôn cố gắng chăm sóc tốt cho vợ*  *D. Mai An Tiêm là một người kiêu căng, tự mãn, không biết ơn Vua Hùng đã đối xử tốt với mình*  ***+ Câu 4: Chi tiết "Hai vợ chồng làm nhà cửa, tìm nguồn nước, đánh cá,…" thể hiện điều gì về vợ chồng Mai An Tiêm?***  *A. Hai vợ chồng Mai An Tiêm rất tài giỏi, chịu khó và luôn yêu thương, đồng hành cùng nhau*  *B. Hai vợ chồng Mai An Tiêm rất hối hận vì hành động chọc giận nhà vua của mình*  *C. Hai vợ chồng Mai An Tiêm rất yêu thương nhau*  *D. Hai vợ chồng Mai An Tiêm rất quan tâm đến chỗ ở và thức ăn*  ***+ Câu 5: Vì sao khi biết gia đình Mai An Tiêm sống sung túc trên đảo hoang, Vua Hùng lại cho người đón vợ chồng Mai An Tiêm trở về?***  *A. Vì Vua Hùng rất nhớ con gái nuôi nên đành gọi hai vợ chồng Mai An Tiêm trở về*  *B. Vì Vua Hùng muốn chiếm lấy hòn đảo hoang trồng nhiều dưa hấu kia*  *C. Vì Vua Hùng muốn có số cua cải của vợ chồng Mai An Tiêm*  *D. Vì Vua Hùng đã thật sự công nhận tài năng của Mai An Tiêm*  - GV mời đại diện lần lượt HS trả lời. Các HS khác lắng nghe, bổ sung đáp án (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án:   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | 1. C | 2. C | 3. B | 4. A | 5. D |   **\* CỦNG CỐ, DẶN DÒ**  - GV mời 1 − 2 HS nhắc lại ý nghĩa của bài đọc, liên hệ thực tế.  - GV nhận xét tiết học, khen ngợi, biểu dương những HS học tốt. | - HS lắng nghe, chuẩn bị  - HS chia sẻ.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, chuẩn bị vào bài mới.  - HS lắng nghe GV đọc mẫu, đọc thầm theo.  - HS luyện đọc theo hướng dẫn của GV.  - HS luyện đọc theo nhóm.  - HS cùng GV giải nghĩa một số từ khó.  - HS đọc thầm, HS làm việc nhóm đôi để trả lời các câu hỏi.  - HS trả lời.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS nhắc lại nội dung bài.  - HS luyện đọc theo nhóm.  - HS đọc bài, các HS khác lắng nghe, đọc thầm theo.  - HS thực hiện theo hướng dẫn của GV.  - HS lắng nghe và tiếp thu.  - HS tham gia trò chơi.  - HS lắng nghe GV hướng dẫn trò chơi.  - HS theo dõi từng câu hỏi.  - HS trả lời câu hỏi, các HS khác lắng nghe, bổ sung đáp án (nếu có)  - HS quan sát, tiếp thu  - HS trả lời.  - HS lắng nghe, tiếp thu. |

**ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY ( NẾU CÓ):**

................................................................................................................................................................................................................................................................

.................................................................................................................................

**Buổi chiều TIẾT 1: TOÁN TĂNG**

Số thập phân (tiếp theo). Số thập phân bằng nhau.

So sánh số thập phân (tiết 1)

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Củng cố và hoàn thiện các kĩ năng đọc viết số thập phân, chuyển phân số thập phân thành số thập phân và so sánh số thập phân.

- Giáo dục cho HS có ý thức trong giờ học.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Vở bài tập Phát triển năng lực Toán tập 1.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**A. Khởi động**

- HS chơi trò chơi: Đố vui

+ Nêu cách đọc viết số thập phân

+ Nêu cách so sánh 2 số thập phân

|  |  |
| --- | --- |
| **B. Luyện tập**  **Bài 1:***Viết các phân số thập phân sau dưới dạng số thập phân*  - HS đọc đề; - tự làm  - GV giám sát KT nhắc nhở HS chú ý cách viết phân số.  **Bài 2:***Nối mỗi số thập phân với cách đọc tương ứng*  - HS đọc đề - tự làm  - GVquan sát.  - Gọi HS báo cáo kq – HSNX  **Bài 3:***Viết số thập phân hoặc cách đọc thích hợp vào ô trống*  - HS đọc đề  - GV cho HS tự hoàn thành vào VBT  - GV giám sát KT nhắc nhở.  - Gọi HS báo cáo kq – HSNX  **Bài 4:** *a) Viết các số thập phân sau dưới dạng rút gọn hơn*  *b) Viết các số thập phân sau thành số có ba chữ số ở phần thập phân.*  - HS đọc đề  - GV hướng dẫn HS làm bài  - GV cho HS tự hoàn thành vào VBT  - GV giám sát KT nhắc nhở.  - Gọi HS báo cáo kq – HSNX  **Bài 5:** *Nối hai số thập phân bằng nhau*  - HS đọc đề- tự làm  - GV nhận xét  **Bài 5:** *Nối hai số thập phân bằng nhau*  - HS đọc đề - tự làm  - GV nhận xét  **Bài 6**. Điền (>; <; =) thích hợp vào chỗ chấm  - HS đọc đề - tự làm  - GV nhận xét, chốt KT  **C. Củng cố - dặn dò:**  - GV chốt kiến thức ôn tập  - Nhận xét tiết học. | - HS tự làm bài; nêu cách làm.  - Trình bày kq và nhận xét.  + Học sinh đọc yêu cầu của bài.  + Thực hiện làm theo yêu cầu.  - HS tự làm bài; nêu cách làm;Trình bày kq và nhận xét  Học sinh đọc yêu cầu của bài.  - HS nêu  + Thực hiện làm theo yêu cầu.  Học sinh đọc  - HS nêu  + Thực hiện làm theo yêu cầu.  -HS nhận xét  - HS đọc đề.  - HS nêu  - HS trả lời, nhận xét  - HS đọc đề.  - HS nêu  - HS trả lời, nhận xét  - HS nghe |

**ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY ( NẾU CÓ):**

................................................................................................................................................................................................................................................................

.................................................................................................................................

**.............................................................................................**

**Thứ Ba ngày 22 tháng 10 năm 2024**

***Buổi sáng* TIẾT 1: ĐẠO ĐỨC**

**BÀI 3: EM NHẬN BIẾT KHÓ KHĂN (TIẾT 1, 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

*Sau bài học này, HS sẽ:*

* Nhận biết được những khó khăn cần phải vượt qua trong học tập và trong cuộc sống.
* Kể được một số biểu hiện của vượt qua khó khăn.
* Biết vì sao phải vượt qua khó khăn.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

* *Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Xác định được khó khăn của bản thân trong học tập và cuộc sống.
* *Tự chủ và tự học:* Tìm được những cách giải quyết khác nhau cho cùng một vấn đề (qua hoạt động sắm vai).

***Năng lực riêng:***

* *Điều chỉnh hành vi:* Nhận biết được những khó khăn cần phải vượt qua trong học tập và cuộc sống; Kể được một số biểu hiện của vượt qua khó khăn; Biết vì sao phải vượt qua khó khăn.

**3. Phẩm chất**

* *Chăm chỉ:* Chăm học, chăm làm, nhận biết được khó khăn trong học tập và cuộc sống.
* *Trách nhiệm:* Có ý thức trách nhiệm với bản thân, nhận biết khó khăn trong học tập và cuộc sống.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Đối với giáo viên**

* SGK, SGV, VBT (nếu có).
* Máy tính, máy chiếu, bài giảng điện tử.
* Các hình ảnh, tài liệu về khó khăn trong học tập và cuộc sống.
* Các hình ảnh, lời nói, việc làm cụ thể nhận biết khó khăn trong học tập và cuộc sống.
* Các hình ảnh minh họa tình huống nhận biết khó khăn trong học tập và cuộc sống.

**2. Đối với học sinh**

* SHS Đạo đức 5.
* Tranh ảnh, tư liệu, video sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế tích cực, hứng thú học tập cho HS và kết nối với bài học mới.  **b. Cách tiến hành**  - GV tổ chức cho HS làm việc nhóm và thực hiện yêu cầu: *Tìm các câu ca dao, tục ngữ, thành ngữ nói về đức tính siêng năng, vượt qua khó khăn trong học tập và cuộc sống.*  - GV mời đại diện các nhóm trả lời. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).  - GV nhận xét, ghi nhận đáp án hợp lí:  *+ Có chí thì nên.*  *+ Ai đội đá mà sống ở đời.*  *+ Mưu cao chẳng bằng chí dày.*  *+ Người có chí thì nên*  *Nhà có nền thì vững.*  *+ Trời nào có phụ ai đâu*  *Hay làm thì giàu, có chí thì nên...*  - GV dẫn dắt HS vào bài học: *Trong cuộc sống, bất kì ai cũng sẽ gặp những khó khăn và thử thách. Vậy các em có thể gặp những khó khăn nào trong học tập và cuộc sống? Chúng ta cùng vào bài học* ***“Em tôn trọng sự khác biệt của người khác”*** *để tìm hiểu sâu hơn nhé.*  **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1: Quan sát tranh và thực hiện yêu cầu**  **a. Mục tiêu:** HS kể được những khó khăn cần phải vượt qua trong học tập và trong cuộc sống  **b. Cách tiến hành**  - GV yêu cầu HS quan sát tranh minh họa SGK tr.17-18.    - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: *Em hãy nêu những khó khăn của các bạn trong những bức tranh trên.*  - GV hướng dẫn HS làm việc nhóm 4 – 6 HS để thảo luận, trao đổi, thống nhất câu trả lời theo mẫu sau:   |  |  | | --- | --- | | Tranh | Những khó khăn của các bạn | | 1 | ... | | 2 | ... | | 3 | ... | | 4 | ... |   - GV mời đại diện 3 – 4 HS trả lời câu hỏi. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá và đưa ra đáp án tham khảo:   |  |  | | --- | --- | | Tranh | Những khó khăn của các bạn | | 1 | Bạn Nam gặp khó khăn trong cuộc sống, bố làm xa, mẹ lại đang bị ốm, bạn phải giúp bố mẹ công việc nhà | | 2 | Bạn nam gặp khó khăn trong việc nhớ lại kiến thức môn Toán đã được học từ học kì trước | | 3 | Bạn nam gặp khó khăn trong việc học tập, sắp tới có bài kiểm tra cuối kì mà bạn lại bị gãy tay. | | 4 | Bạn nữ gặp khó khăn về nơi ở khi nhà bạn bị cháy. |   - GV yêu cầu HS: *Hãy kể thêm những khó khăn trong học tập và cuộc sống mà em biết.*  - GV mời HS giơ tay phát biểu. HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).  - GV nhận xét và chốt đáp án:  *+ Gặp khó khăn trong việc hiểu bài giảng.*  *+ Dễ bị xao nhãng, khả năng tập trung ngắn hạn.*  *+ Trì hoãn công việc.*  *+ Hay phạm lỗi do bất cẩn.*  *+ Chịu áp lực từ gia đình.*  *+ Thay đổi môi trường sống.*  *+ Có nhiều thứ để học nhưng lại có quá ít thời gian.*   |  |  | | --- | --- | | *Chưa hiểu bài* | *Áp lực gia đình* | | *Qúa tải công việc* | Xao nhãng hay Sao nhãng? Từ nào mới đúng chính tả trong tiếng Việt?  *Dễ bị xao nhãng* |   - GV mở rộng cho HS xem video bài hát “Đường đến ngày vinh quang”:  <https://youtu.be/EzXy6KkIoqk>  - GV tổ chức cho HS làm việc nhóm và yêu cầu trả lời câu hỏi:  *+ Bài hát muốn truyền tải thông điệp gì?*  *+ Em có cảm nhận gì khi nghe bài hát?*  - GV mời đại diện 1 – 2 HS trình bày. HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung ý kiến (nếu có).  - GV nhận xét, chốt đáp án:  *+ Bài hát là lời cổ động, khích lệ con người vươn lên trong cuộc sống dù cho có bao khó khăn, thử thách, chông gai phía trước. Sau những khó khăn là thành quả, thành công xứng đáng với nỗ lực của bản thân.*  *+ Bài hát khiến bản thân mỗi chúng ta cảm thấy yêu đời, có động lực vượt qua những khó khăn trong cuộc sống.*  **Hoạt động 2: Đọc câu chuyện và trả lời câu hỏi**  **a. Mục tiêu:** HS kể được một số biểu hiện của vượt qua khó khăn và biết vì sao phải vượt qua khó khăn  **b. Cách tiến hành**  - GV yêu cầu HS đọc câu chuyện “Một học sinh nghèo vượt khó” SGK tr.18 rồi thảo luận theo nhóm đôi.  - GV mời 1 HS đọc to câu chuyện trước lớp. HS khác lắng nghe, đọc thầm theo để nắm nội dung câu chuyện.    - GV nêu câu hỏi thảo luận nhóm đôi:  *+ Bạn Thảo đã vượt qua những khó khăn trong học tập và cuộc sống như thế nào?*  *+ Sự vượt khó đã mang lại điều gì cho Thảo?*  *+ Vì sao chúng ta phải biết vượt qua những khó khăn trong học tập và cuộc sống?*  - GV mời đại diện 1 – 2 nhóm trình bày kết quả thảo luận. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá và khen ngợi HS.  - GV ghi nhận đáp án hợp lí:  *+ Bạn Thảo đã vượt qua khó khăn:*   * *Gia đình bạn khó khăn, bố mẹ ốm yếu – Thảo giúp bố mẹ công việc gia đình.* * *Đường đi học gian nan nhất là khi thời tiết mưa rét, đường trơn – Thảo vẫn chăm chỉ đi học.* * *Trong học tập – Thảo tranh thủ hỏi bài thầy cô, các bạn khi ở lớp. Tối bạn làm bài và ôn tập vào sáng sớm hôm sau.*   + *Sự vượt khó đã giúp Thảo trở thành học sinh tiêu biểu của trường và nhận được sự ngưỡng mộ.*  *+ Lí do cần vượt qua khó khăn:*   * *Cần biết vượt qua những khó khăn trong học tập và cuộc sống vì khó khăn là điều luôn xảy ra khi sống và làm việc.* * *Khó khăn luôn xuất hiện trong học tập và cuộc sống của mỗi người. Để thành công, mỗi người cần phải đối diện với nó và tìm cách vượt qua.* * *Vượt qua khó khăn giúp con người rèn luyện được những phẩm chất và kĩ năng quý báu như siêng năng, kiên trì, giao tiếp, hợp tác, kiên định mục tiêu.*   - GV cho HS xem video mở rộng câu chuyện “*Có công mài sắt có ngày nên kim”*  <https://youtu.be/EEcp_HijCOs>  - GV đặt câu hỏi cho HS:  *+ Cậu bé trong câu chuyện gặp khó khăn trong việc gì?*  *+ Cậu bé đã thấy hoạt động nào kì lạ?*  *+ Cậu bé đã nhận ra điều gì khi nghe bà cụ giải thích hành động của mình?*  - GV mời 1 – 2 HS trả lời câu hỏi. HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án:  *+ Cậu bé trong câu chuyện gặp khó khăn trong việc tập trung, thiếu kiên trì rèn luyện học tập.*  *+ Cậu bé thấy lạ khi bà cụ đang mài một thỏi sắt.*  *+ Cậu bé nhận ra phải kiên trì vượt qua những khó khăn thì mới thành công nên đã về nhà chăm chỉ rèn luyện học tập.*  ***Bài tập 2: Nhận xét các ý kiến***  - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân để nhận xét các ý kiến.  *Em hãy đưa ra nhận xét của mình trong các tình huống sau đây và giải thích lí do của mình.*    - GV mời đại diện HS phát biểu, nêu ý kiến. Các HS khác lắng, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá và kết luận:  *a. Sai vì khó khăn không chỉ xảy ra với những bạn có hoàn cảnh gia đình khó khăn mà kể cả các bạn có điều kiện hơn cũng sẽ gặp phải khó khăn riêng.*  *b. Đúng vì sự khó khăn có thể xảy ra bất cứ lúc nào nhất là khi thực hiện một công việc nào đó. Việc vượt qua khó khăn sẽ giúp ta kiên định với mục tiêu, đạt được thành quả mong đợi.*  *c. Sai vì ý chí vượt qua khó khăn là một phẩm chất cần phải rèn luyện khi gặp những điều không như ý mới có được.*  *d. Đúng vì khi gặp khó khăn con người phải bỏ ra nhiều nỗ lực hơn để đạt được đến thành công vì vậy sẽ trân quý hơn công sức của mình và mọi người.*  *e. Đúng vì vượt qua khó khăn là cả một quá trình phấn đấu, nỗ lực không thể hoàn thành trong một thời gian ngắn nhưng lại đem lại thành quả xứng đáng.*  *g. Sai vì có những công việc chúng ta phải thực hiện bằng chính bàn tay, trí óc của mình. Không phải bất cứ khó khăn nào cũng nên nhờ vào sự giúp đỡ của người khác.*  ***Bài tập 2: Đưa ra ý kiến***  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi, đọc yêu cầu bài tập 2 và trả lời câu hỏi: *Em đồng tình hoặc không đồng tình với thái độ nào dưới đây? Vì sao?*  a. Mỗi khi gặp bài tập khó, Hùng mở ngay sách có lời giải ra chép.  b. Dù còn mệt sau đợt ốm, nhưng Hưng vẫn cố gắng tập thể dục đều đặn mỗi sáng.  c. Biết mình nói năng chưa lưu loát, Hà thường lảng tránh các hoạt động tập thể.  d. Mỗi khi gặp khó khăn, Lan thường tìm các phương án khác nhau để giải quyết vấn đề.  e. Thấy mình chưa học giỏi môn Tiếng Việt, Trường chỉ biết than phiền với bạn bè.  - GV mời đại diện 2 – 3 nhóm trình bày kết quả thảo luận. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá và kết luận:  *a. Không đồng tình vì hành động mở sách giải ra khi không làm được bài sẽ khiến cho năng lực tư duy và sự vận động trí óc của Hùng ngày càng giảm sút, phụ thuộc vào những thứ có sẵn.*  *b. Đồng tình vì việc rèn luyện thể chất sau khi ốm giúp cho Hùng nhanh chóng hồi phục và có sức khỏe tốt hơn.*  *c. Không đồng tình vì điều này có thể khiến cho Hà hình thành tính cách nhút nhát, không dám khắc phục điểm yếu của mình.*  *d. Đồng tình vì cách làm của Lan thể hiện ý chí nỗ lực vượt qua khó khăn trong học tập.*  *e. Không đồng tình vì việc Trường than phiền chỉ làm bạn thêm chán nản chứ không thể tìm ra phương hướng giải quyết vấn đề.*  **C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**  **a. Mục tiêu:** Giúp HS biết được những khó khăn cần phải vượt qua trong học tập và trong cuộc sống.  **b. Cách tiến hành**  ***Bài tập trắc nghiệm:***  - GV cho HS làm việc cá nhân để trả lời các câu hỏi trắc nghiệm sau:  **Câu 1:** Để vượt qua khó khăn trong học tập em nên làm gì?  A. Tham gia các hoạt động trau dồi kĩ năng.  B. Hành vi gây rối trật tự công cộng.  C. Dành nhiều thời gian để thư giãn, giải trí.  D. Tiếp thu và thực hiện lời khuyên của mọi người  **Câu 2:**Việc làm nào dưới đây **không** phải điều thường xảy ra khi gặp khó khăn?  A.Khi tự mình không giải quyết được khó khăn thì cần tìm kiếm sự hỗ trợ từ người tin cậy.  B. Vượt khó sẽ khiến bản thân luôn mệt mỏi, dễ chán nản.  C. Vượt qua khó khăn giúp bản thân có cuộc sống tốt hơn.  D. Vượt khó sẽ giúp ta thành công và có nhiều niềm vui trong cuộc sống.  **Câu 3:** Từ trái nghĩa với từ khó khăn là từ nào?  A. Thuận lòng.  B. Thuận tiện.  C. Thuận lợi.  D. Ưng thuận.  **Câu 4:** Câu ca dao, tục ngữ thể hiện sự vượt khó là?  A. Ăn quả nhớ kẻ trồng cây.  B. Ở hiền gặp lành.  C. Sông có khúc người có lúc.  D. Thất bại là mẹ thành công.  **Câu 5:** Theo em đâu là nhân vật thể hiện cho việc vượt qua khó khăn trong học tập, được biết đến là vị trạng nguyên nhỏ tuổi nhất trong lịch sử dân tộc?  A. Nguyễn Hiền.  B. Ngô Sỹ Liên.  C. Mạc Đĩnh Chi.  D. Cao Bá Quát.  - GV mời 2 -3 HS trả lời. HS khác lắng nghe, nhận xét.  - GV nhận xét, chốt đáp án:   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | | **Đáp án** | **A** | **B** | **C** | **D** | **A** |   \* Củng cố  - GV nhận xét tiết học  - Vận dụng thực hành nhận biết những khó khăn mà bản thân sẽ gặp phải trong cuộc sống. | - HS làm việc nhóm.  - HS trả lời.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, tiếp thu, chuẩn bị vào bài mới.  - HS quan sát.  - HS lắng nghe GV nêu câu hỏi.  - HS lắng nghe, thực hiện.  - HS trả lời.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe GV nêu câu hỏi.  - HS trả lời.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS xem video.  - HS làm việc nhóm.  - HS trả lời.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS làm việc nhóm đôi,  - HS đọc chuyện trước lớp.  - HS lắng nghe câu hỏi.  - HS phát biểu.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS xem video.  - HS lắng nghe câu hỏi.  - HS trả lời.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe GV nêu câu hỏi.  - HS trả lời.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS làm việc nhóm đôi.  - HS trả lời.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS làm việc theo nhóm và tình huống được giao. |

**ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY ( NẾU CÓ):**

............................................................................................................................................................................................................................................................................

**Buổi chiều TIẾT 1: TOÁN 2**

**BÀI 19. LÀM TRÒN SỐ THẬP PHÂN ( TIẾT 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

Sau bài học này, HS sẽ:

* Làm tròn được một số thập phân đến hàng đơn vị; hàng phần mười; hàng phần trăm.
* Vận dụng giải quyết các vấn đề đơn giản liên quan đến làm tròn số thập phân.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận với giáo viên và bạn bè để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

***Năng lực riêng:***

* Năng lực tư duy và lập luận toán học.
* Năng lực mô hình hóa.
* Năng lực giao tiếp và năng lực giải quyết vấn đề toán học.

**3. Phẩm chất**

* Chăm chỉ: Chăm học, ham học, có tinh thần tự học; chịu khó đọc sách giáo khoa, tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân.
* Trung thực: trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.
* Yêu thích môn học, sáng tạo, có niềm hứng thú, say mê các con số để giải quyết bài toán.
* Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, phát huy ý thức chủ động, trách nhiệm và bồi dưỡng sự tự tin, hứng thú trong việc học.

**II. PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ DẠY HỌC**

**1. Phương pháp dạy học**

* Vấn đáp, động não, trực quan, hoạt động nhóm.
* Nêu vấn đề, giải quyết vấn đề.

**2. Thiết bị dạy học**

**a. Đối với giáo viên**

* Giáo án.
* Bộ đồ dùng dạy, học Toán 5.
* Máy tính, máy chiếu.
* Bảng phụ, phiếu học tập.
* Hình vẽ trong SGK.

**b. Đối với học sinh**

* SHS.
* Vở ghi, dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú, kích thích sự tò mò của HS trước khi vào bài học.  **b. Cách thức tiến hành:**  - Chơi trò chơi nhắc lại KT đã học tiết 1  **C. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH, LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:**  - HS hoàn thành các bài tập 3; 4; 5 trong SGK  **b. Cách thức tiến hành**  ***BT3***  *Làm tròn các số sau đến hàng phần trăm:*  *a) 2,673 b) 13,427 c) 265,865*  - HS làm vào vở cá nhân.  - GV mời 1 – 2 HS lên bảng trả lời, khuyến khích HS nói cách làm.  - GV chữa bài, chốt đáp án đúng.  ***BT4***  *Số?*    - GV cho HS thảo luận nhóm đôi, nói cho nhau cách làm và trình bày vào vở cá nhân.  - GV mời 1 – 2 HS đứng tại chỗ trình bày đáp án.  - GV chữa bài, chốt đáp án đúng.  ***Hoàn thành BT5***  *Một tờ giấy cân nặng khoảng 4,103g. Theo em, 10 tờ giấy như vậy cân nặng khoảng bao nhiêu gam? (làm tròn đến hàng đơn vị).*  - GV cho HS thảo luận với bạn cùng bàn,nhận biết các bước thực hiện.  - HS làm bài vào vở cá nhân.  - GV mời 1 – 2 nhóm đứng tại chỗ trình bày đáp án.  - GV chữa bài, chốt đáp án đúng.  **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, TRẢI NGHIỆM**  **a. Mục tiêu:** Vận dụng viết số thập phân.  **b. Cách thức tiến hành**.  ***Nhiệm vụ 2: Hoàn thành BT6***  *Quan sát cân và cho biết mỗi bạn cân nặng khoảng bao nhiêu ki-lô-gam.*    - HS làm bài vào vở cá nhân.  - GV hướng dẫn HS: quan sát xem vạch cân chỉ gần với số nào nhất.  - GV mời 1 – 2 nhóm đứng tại chỗ trình bày đáp án.  - GV chữa bài, chốt đáp án đúng.  **\* CỦNG CỐ**  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  **\* DẶN DÒ**  - Ôn tập kiến thức đã học*.*  - Hoàn thành bài tập trong SBT.  - Đọc và chuẩn bị trước Bài 20 – *Ôn tập về các đơn vị đo diện tích đã học.* | - HS thực hiện  - HS hoàn thành bài theo yêu cầu.  - Kết quả:  *a) Số thập phân 2,673 làm tròn đến hàng phần trăm được 2,67.*  *b) Số thập phân 13,427 làm tròn đến hàng phần trăm được 13,43.*  *c) Số thập phân 265,865 làm tròn đến hàng phần trăm được 265,87.*  - HS hoàn thành bài theo yêu cầu.  - Kết quả:    - HS thảo luận, nhận biết việc cần làm:  + Đổi số cân nặng của 1 tờ giấy ra phân số thập phân.  + Tính cân nặng của 10 tờ giấy và đổi ra số thập phân.  + Làm tròn số cân nặng đến hàng đơn vị.  - HS hoàn thành bài theo yêu cầu.  - Kết quả:  *Ta có:*  *10 tờ giấy như vậy cân nặng:*  *10 = = 41,03 (g)*  *Làm tròn số 41,03 đến hàng đơn vị, ta được 41.*  *Vậy 10 tờ giấy như vậy cân nặng khoảng 41 g*  - HS hoàn thành bài theo yêu cầu.  - Kết quả:  *Bạn Mai cân nặng khoảng 32 kg*  *Bạn Hùng cân nặng khoảng 32 kg*  *Bạn Dũng cân nặng khoảng 36 kg.*  - HS chú ý lắng nghe, tiếp thu và rút kinh nghiệm.  - HS chú ý nghe, quan sát bảng và ghi vở. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG SAU TIẾT DẠY**

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

**TIẾT 2: TIẾNG VIỆT 3**

**BÀI VIẾT 1: LUYỆN TẬP TẢ NGƯỜI**

***(Tả ngoại hình)***

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

Sau bài học này, HS sẽ:

* Biết viết đoạn văn tả ngoại hình của người.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

* *Năng lực tự chủ và tự học:* Biết dựa vào dàn ý đã lập để viết đoạn văn tả ngoại hình của người.
* *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* trao đổi với GV và các bạn về đoạn văn tả ngoại hình người.

***Năng lực văn học:***

* Biết chọn những chi tiết tiêu biểu để tả.
* Bước đầu biết sử dụng từ ngữ gợi tả, thể hiện cảm xúc của bản thân đối với người đó.

**3. Phẩm chất**

* Bồi dưỡng phẩm chất nhân ái.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**a. Đối với giáo viên**

* SGK Tiếng Việt 5, SGV Tiếng Việt 5.
* Bảng phụ máy chiếu (nếu có).

**b. Đối với học sinh**

* SGK Tiếng Việt 5, VBT.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu**  - Tạo tâm thế hứng thú cho HS và từng bước làm quen bài học.  **b. Tổ chức thực hiện**  - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi thò – thụt để tạo hứng khởi trước khi vào lớp: *Quản trò chỉ cần hô thụt thò và các bạn trong lớp phải làm theo lời nói của người quản trò Lúc đầu nên hô chậm để các bạn quen dần, và sau đó tăng tốc độ Bạn nào làm sai thì sẽ bị phạt.*  - GV dẫn dắt, giới thiệu bài mới: *Các em đã tập viết đoạn mở bài và đoạn kết bài trong bài văn tả một*  *người bạn. Hôm nay, các em sẽ dựa vào dàn ý đã lập để tập viết đoạn văn tả ngoại hình của một người bạn mà mình quý mến qua bài: Luyện tập tả người (tả ngoại hình)*  **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1: Nhận xét về cách tả ngoại hình của người**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS sẽ:  - Nắm được yêu cầu bài tập.  - Vận dụng kiến thức để viết đoạn văn.  **b. Tổ chức thực hiện**  - GV mời một số HS đọc yêu cầu và các đoạn văn. Cả lớp đọc thầm theo: *Nhận xét về cách tả ngoại hình của người ở các đoạn văn in nghiêng dưới đây (đoạn văn SGK tr. 54).*  *+ Câu 1: Tác giả tả những đặc điểm nào về ngoại hình của nhân vật?*  *+ Câu 2: Các đặc điểm đó được miêu tả theo trình tự như thế nào?*  *+ Câu 3: Những đặc điểm nào gợi cho em nghĩ đến tính cách của nhân vật?*  *+ Câu 4: Tìm những từ ngữ, chi tiết thể hiện sự quan sát tinh tế, chính xác của tác giả.*  - GV nêu một số việc chính cần thực hiện:  *+ Đọc hai đoạn văn và các CH/ yêu cầu.*  *+ Trả lời CH hoặc thực hiện yêu cầu.*  - GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm, làm bài theo hướng dẫn.  - GV mời đại diện một số nhóm báo cáo kết quả; nhóm khác nêu ý kiến; GV chốt đáp án đúng.  *+ Câu 1: Tác giả tả:*   * *Đoạn văn a tả các đặc điểm về chiều cao, nước da, thân hình (cổ, vai, ngực, bụng, cánh tay, cặp đùi), cặp mắt, miệng, trán.* * *Đoạn văn b tả các đặc điểm về thân hình (vóc dáng, hai cánh tay, hai vai, cổ), mái tóc, đôi lông mày, đôi mắt.*   *+ Câu 2: Các chi tiết nói trên được miêu tả theo trình tự:*   * *Đoạn văn tả ngoại hình theo trình tự từ khái quát đến cụ thể.* * *Đoạn văn tả ngoại hình theo trình tự từ khái quát đến cụ thể.*   *+ Câu 3:*   * *Đoạn văn tả Thắng: Thắng mạnh mẽ, thích vận động (nước da rám đỏ khoẻ mạnh của những đứa trẻ lớn lên với nắng, nước mặn và gió biển; thân hình rắn chắc, nở nang). Thắng hiền lành, dễ mến, dễ gần (cặp mắt to và sáng; miệng tươi, hay cười). Thắng bướng bỉnh, gan dạ (cái trán hơi dô ra, trông có vẻ là một tay bướng bỉnh, gan dạ).* * *Đoạn văn tả cô Chấm: Cô Chấm giản dị (đôi lông mày loà xoà tự nhiên). Cô Chấm là người thẳng thắn và mạnh mẽ (đã định nhìn ai thì dám nhìn thẳng, dù người ấy nhìn lại mình).*   *+ Câu 4: Các hình ảnh so sánh hoặc nhân hoá trong mỗi đoạn văn:*   * *Đoạn văn tả Thắng: Một số từ ngữ, chi tiết: nước da rám đỏ; thân hình rắn chắc, nở nang: cổ mập, vai rộng, ngực nở căng, bụng thon hằn rõ những múi, hai cánh tay gân guốc như hai cái bơi chèo, cặp đùi dế to, chắc nình nịch; cặp mắt to và sáng; miệng tươi, hay cười; cái trán hơi dô ra;...* * *Đoạn văn tả ngoại hình cô Chấm: thân hình nở nang, cân đối; hai cánh tay béo lẳn và chắc nịch, hai vai tròn và cái cổ cao; tóc đỏ quạch; đôi lông mày loà xoà tự nhiên làm cho đôi mắt sắc sảo dịu dàng đi;...*   - GV củng cố thêm cho HS:  *+ Các đoạn văn trên đều miêu tả ngoại hình người theo trình tự từ khái quát đến cụ thể. Nhưng các em có thể sắp xếp các ý theo cách khác cho phù hợp với trình tự quan sát và ý muốn của mình.*  *+ Khi viết, các em nên thể hiện cảm xúc của mình đối với người được tả; nên dùng từ ngữ giàu hình ảnh hoặc sử dụng biện pháp so sánh để miêu tả một cách sinh động.*  **Hoạt động 2: Dựa theo dàn ý đã lập, viết đoạn văn tả ngoại hình của con vật mà mình yêu thích.**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS sẽ:  - HS vận dụng kiến thức viết đoạn văn.  **b. Tổ chức thực hiện**  - GV tổ chức cho HS dựa vào dàn ý đã lập ở Bài 3, viết đoạn văn vào VBT (hoặc vở ô li).  - GV tạo không khí yên tĩnh để HS làm bài; theo dõi, giải đáp thắc mắc cho HS, nếu HS thắc mắc; khuyến khích HS khá, giỏi lựa chọn từ ngữ, viết câu có hình ảnh, thể hiện cảm xúc của bản thân.  - GV tổ chức cho HS đọc lại bài viết, sửa lỗi, hoàn thiện bài viết.  **\* CỦNG CỐ, DẶN DÒ**  - GV khen ngợi, động viên HS. | - HS chơi trò chơi.  - HS lắng nghe, chuẩn bị vào bài mới.  - HS đọc yêu cầu BT.  - HS thực hiện theo hướng dẫn.  - HS thảo luận nhóm.  - HS báo cáo kết quả.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS viết bài.  - HS làm bài.  - HS hoàn thiện bài viết.  - HS lắng nghe, tiếp thu. |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

....................................................................................................................................................................................................

**TIẾT 3: TIẾNG VIỆT TĂNG**

**LUYỆN TẬP TẢ NGƯỜI**

***(Tả ngoại hình, hoạt động, tính cách)***

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Viết được đoạn văn tả ngoại hình, hoạt động, tính cách của người; thể hiện được tình cảm của mình đối với người được tả. Đoạn văn mắc ít lỗi chính tả, ngữ pháp.

- Viết được đoạn văn mạch lạc sử dụng từ ngữ sáng tạo để biểu đạt nội dung giàu hình ảnh,cảm xúc.

- Có ý thức lựa chọn từ, câu khi diễn đạt, thêm yêu quý bạn.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

-Máy tính, máy chiếu.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **1. Hoạt động khởi động** | | |
| **-** Tổ chức cho HS tham gia trò chơi “Lật mảnh ghép” với các nội dung dưới đây:  + MG1: - Đoạn văn tả ngoại hình của người nằm ở phần nào của bài văn tả người?  + MG2: - Hát một bài hát về bạn bè mà bạn biết.  + MG3: - Phần thân bài của bài văn tả người sẽ tả những gì của người?  + MG4: - Nêu cấu tạo của bài văn tả người.  - GV nhận xét, giới thiệu vào bài. | | - Học sinh chơi trò chơi khởi động “Lật mảnh ghép”.  - Phần thân bài.  - HS hát theo yêu cầu.  - Tả ngoại hình. Tả hoạt động, tính cách.  Mở bài: Giới thiệu người được tả.  Thân bài: + Tả ngoại hình.  + Tả hoạt động, tính cách.  Kết bài: Nêu cảm nghĩ về người được tả.  - HS lắng nghe. |
| **2. Hoạt động luyện tập, thực hành** | | |
| **Đề bài:** Em hãy viết đoạn văn tả ngoại hình, hoạt động, tính cách của một người bạn mà em quý mến.  - Gọi 1 HS đọc đề bài.  *-* GV hỏi:  + Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì?  + Khi tả ngoại hình, hoạt động, tính cách của người, ta viết như thế nào?  - GV tạo không khí yên tĩnh để HS làm bài; theo dõi, giải đáp thắc mắc cho HS (nếu HS thắc mắc); khuyến khích HS lựa chọn từ ngữ, viết câu có hình ảnh, thể hiện cảm xúc của bản thân.  - Gọi HSđọc lại bài viết, sửa lỗi, hoàn thiện bài viết.  - GV tuyên dương, sửa chữa sai sót (nếu có). | | - HS đọc, xác định yêu cầu.  - 1 HS đọc, lớp đọc thầm.  - HS trả lời:  + Viết đoạn văn tả ngoại hình, hoạt động, tính cách của một người bạn mà em quý mến.  + Đoạn văn cần viết phải phải phù hợp với trình tự quan sát nên chọn những đặc điểm nổi bật về ngoại hình để tả bạn; theo trật tự trước - sau của các hoạt động nhưng cũng có thể sắp xếp theo ý của mình. Khi viết, cần thể hiện cảm xúc của mình đối với người được tả; nên chọn những đặc điểm nổi bật về hoạt động, tính cách để tả bạn và nhớ dùng từ ngữ giàu hình ảnh, cách nói so sánh để miêu tả một cách sinh động.  - HS viết đoạn văn tả hoạt động, tính cách của một người bạn mà em quý mến vào vở ô li.  - HS đọc đoạn văn mình viết.  - HS khác nhận xét. |
| Vân vốn là người bạn than nhất của em. Năm nay Vân vừa tròn mười tuổi, dáng người nhỏ nhắn, khuôn mặt dễ thương, lúc nào cũng cười. Nước da của Vân trắng trẻo, mịn màng. Cặp mắt hai mí tròn xoe lúc nào cũng sáng long lanh. Các bạn trong lớp thường gọi Vân bằng cái tên nghe thật ngộ nghĩnh: “Cặp mắt biết cười”.  Vân là một người rất hòa đồng, cũng rất hiền lành và chăm chỉ. Bạn luôn luôn là người bạn tốt của mọi người trong lớp và là người học sinh được thầy cô vô cùng tin tưởng. Trong học tập, bạn là người có thành tích học tập tốt nhất lớp em. Mỗi lần có bài kiểm tra hay thi cuối kỳ, bao giờ Vân cũng là người có được những điểm số cao nhất lớp. Thành tích của bạn đã duy trì từ bốn năm nay. Ai ai cũng đều ngưỡng mộ khả năng học tập của bạn. Học tập tốt là thế, những Vân chưa bao giờ tỏ ra kiêu kì hay đỏng đảnh, ích kỷ. Bạn luôn giúp đỡ tất cả các bạn trong lớp, giảng giải cho những bạn chưa hiểu bài. Vì vậy trong mắt thầy cô Vân là một học sinh gương mẫu và tốt bụng.  Không chỉ có thành tích học tốt, Vân còn là một cô bé có chất giọng cao vút như một cô sơn ca nhỏ. Mỗi lần đến dịp lễ hội, lớp chúng em lại được nghe Vân cất lên giọng ca thánh thót của mình, vô cùng say mê. | | |
| **3. Hoạt động vận dụng** | | |
| - GV dặn HS về nhà sửa lại các lỗi mà mắc phải khi viết đoạn văn và viết lại đoạn văn theo yêu cầu.  - GV nhận xét tiết học, khen ngợi, biểu dương những HS viết tốt. | - HS lắng nghe | |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

:........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Thứ Tư ngày 23 tháng 10 năm 2024*

***Buổi sáng* TIẾT 1: TOÁN 3**

**BÀI 20. ÔN TẬP VỀ CÁC ĐƠN VỊ ĐO DIỆN TÍCH ĐÃ HỌC**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

Sau bài học này, HS sẽ:

* Thực hiện được việc chuyển đổi giữa các đơn vị đo diện tích đã học.
* Vận dụng được việc chuyển đổi giữa các đơn vị đo diện tích đã học để giải quyết một số tình huống thực tế.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận với giáo viên và bạn bè để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

***Năng lực riêng:***

* Năng lực tư duy và lập luận toán học.
* Năng lực mô hình hóa.
* Năng lực giao tiếp và năng lực giải quyết vấn đề toán học.

**3. Phẩm chất**

* Chăm chỉ: Chăm học, ham học, có tinh thần tự học; chịu khó đọc sách giáo khoa, tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân.
* Trung thực: trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.
* Yêu thích môn học, sáng tạo, có niềm hứng thú, say mê các con số để giải quyết bài toán.
* Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, phát huy ý thức chủ động, trách nhiệm và bồi dưỡng sự tự tin, hứng thú trong việc học.

**II. PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ DẠY HỌC**

**1. Phương pháp dạy học**

* Vấn đáp, động não, trực quan, hoạt động nhóm.
* Nêu vấn đề, giải quyết vấn đề.

**2. Thiết bị dạy học**

**a. Đối với giáo viên**

* Giáo án.
* Bộ đồ dùng dạy, học Toán 5.
* Máy tính, máy chiếu.
* Bảng phụ, phiếu học tập.
* Hình vẽ trong SGK.

**b. Đối với học sinh**

* SHS.
* Vở ghi, dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú, kích thích sự tò mò của HS trước khi vào bài học.  **b. Cách thức tiến hành:**  - GV cho HS hoàn thành BT 1 - SGK  *-* GV đặt câu hỏi: “*Kể tên các đơn vị đo diện tích đã học?.”*  - GV chiếu hình ảnh về đơn vị đo diện tích:    - HS hoàn thành bảng sau:    - HS nêu nhận xét về mối quan hệ giữa các đơn vị đo diện tích đó.  - GV dẫn dắt: “*Hôm nay, chúng ta cùng ôn lại những đơn vị đo diện tích đã học ở lớp dưới và giải quyết một số bài toán ứng dụng của nó. “****Bài 20: Ôn tập về các đơn vị đo diện tích đã học****”.*  **B. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH, LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:**  - HS hoàn thành các bài tập 2; 3; 4 trong SGK  **b. Cách thức tiến hành**  ***Nhiệm vụ 1: Hoàn thành BT2***  *Số?*    - GV cho HS thảo luận nhóm đôi, nói cho nhau nghe cách làm và trình bày vào vở cá nhân.  - GV mời 1 HS trình bày kết quả, khuyến khích HS giải thích.  - GV chữa bài, chốt đáp án.  ***Nhiệm vụ 2: Hoàn thành BT3***  *Chọn đơn vị đo diện tích (m2 , dm2, cm2, mm2) thích hợp cho ô*  *a) Diện tích tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500 000 đồng khoảng 100*  *b) Diện tích mặt bàn khoảng 40*  *c) Diện tích bể bơi khoảng 40*  *d) Diện tích bề mặt một nút ấn trên điều khiển ti vi khoảng 32*  - GV cho HS thảo luận nhóm 4 nói cho nhau nghe ý nghĩa của các đơn vị đo diện tích và điền đơn vị đo thích hợp vào chỗ chấm.  - Sau thảo luận, HS làm bài vào vở cá nhân.  - GV mời 1 HS lên bảng thực hiện bài.  - GV chữa bài, chốt đáp án đúng.  ***Nhiệm vụ 3: Hoàn thành BT4***  *Quan sát sơ đồ các phòng ở tầng 2 của nhà bạn Duy dưới đây:*    *a)Tổng diện tích tầng 2 nhà bạn Duy là bao nhiêu mét vuông?*  *b) Diện tích phòng ngủ 2 là bao nhiêu mét vuông?*  *c) Diện tích phòng ngủ 3 là bao nhiêu mét vuông?*  - GV gợi ý cho HS: Các đoạn nhỏ vạch trên mỗi cạnh của hình chữ nhật tương ứng với 1m.  - HS thảo luận nhóm đôi, nhận biết các bước cần làm.  - HS làm vào vở cá nhân.  - GV mời 1 – 2 HS lên bảng trả lời, khuyến khích HS nói cách làm.  - GV chữa bài, chốt đáp án đúng.  **C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, TRẢI NGHIỆM**  **a. Mục tiêu:**  - HS hoàn thành các bài tập 5 trong SGK  - Hoàn thành BT trắc nghiệm.  **b. Cách thức tiến hành**  ***Nhiệm vụ 1: Hoàn thành BT***  *a) Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:*  *20cm2 8mm2*   |  |  | | --- | --- | | *A. 2008.* | *B. 208.* | | *C. 20008.* | *D. 20080.* |   *b) Dấu thích hợp điền vào chỗ chấm là:*  *15dm2 9cm2 …. 1590cm2*   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | *A. >.* | *B. =.* | *C. <.* | *D. Khác.* | |  |  |  |  |   *c) Chọn đáp án đúng:*  *A. 4 m2 6 dm2 = 46 dm2.*  *B. 1 dm2 35 mm2 = 10 035mm2.*  *C. 6 m2 7 cm2 = 6 07 cm2.*  *D. 7dm2 5cm2 = 7 005 cm2.*  *d) Một phòng học rộng khoảng 50….. Chọn đơn vị đo thích hợp.*   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | *A. mm2.* | *B. dm2.* | *C. cm2.* | *D. m2.* |   *e) Để lát nền một căn phòng cần 240 viên gạch vân gỗ hình vuông có cạnh 50cm. Hỏi căn phòng đó có diện tích là bao nhiêu mét vuông? (Biết phần mạch vữa không đáng kể).*   |  |  | | --- | --- | | *A. 6 m2.* | *B. 60 m2.* | | *C. 30 m2.* | *D. 40 m2.* |   - GV cho HS làm bài cá nhân sau đó chia sẻ đáp án với bạn cùng bàn.  - GV mời một vài HS chia sẻ đáp án. Giải thích tại sao lại chọn phương án đó.  - GV chữa bài, chốt đáp án đúng.  ***Nhiệm vụ 2: Hoàn thành BT5***  *Một người thợ gốm đang hoàn thiện bức tranh như hình vẽ dưới đây.*    *a) Bức tranh khi hoàn thành được gắn bởi tất cả bao nhiêu mảnh gốm?*  *b) Nếu mỗi mảnh gốm nhỏ hình vuông có cạnh 2cm thì diện tích bức tranh là bao nhiêu mét vuông (không kể viền)?*  - HS làm bài vào vở cá nhân.  - GV hướng dẫn HS:  *+ Diện tích bức tranh = Diện tích 1 mảnh ghép Số mảnh ghép.*  *+ HS lưu ý đơn vị đo diện tích của bức tranh.*  - GV mời 1 – 2 nhóm đứng tại chỗ trình bày đáp án.  - GV chữa bài, chốt đáp án đúng.  **\* CỦNG CỐ**  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  **\* DẶN DÒ**  - Ôn tập kiến thức đã học*.*  - Hoàn thành bài tập trong SBT.  - Đọc và chuẩn bị trước Bài 21 – *Héc – ta* | - HS trả lời  + Các đơn vị đo diện tích đã học: *m2, dm2, cm2, mm2.*  *+ Hoàn thành bảng:*    *+ Nhận xét:*  *Mỗi đơn vị đo diện tích gấp 100 lần đơn vị bé hơn liền tiếp.*  *Mỗi đơn vị đo diện tích bằng lần đơn vị lớn hơn liền tiếp.*  - HS chú ý nghe, hình thành động cơ học tập.  - HS hoàn thành bài theo yêu cầu.  - Kết quả:  *8 m2 15 dm2 = 815 dm2*  *10 m2 7dm2 = 1007 dm2*  *5 dm2 23 cm2 = 523 cm2*  *35 cm2 12 mm2 = 3 512 mm2*  *8 cm2 6 mm2 = 806 mm2*  *56 dm2 33 mm2 = 560 033 mm2*  - HS hoàn thành bài theo yêu cầu.  - Kết quả:  *a) Diện tích tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500 000 đồng khoảng 100cm2.*  *b) Diện tích mặt bàn khoảng 40dm2.*  *c) Diện tích bể bơi khoảng 40m2.*  *d) Diện tích bề mặt một nút ấn trên điều khiển ti vi khoảng 32mm2.*  - HS thảo luận nhóm, nhận biết các bước làm:  + Tính tổng diện tích tầng 2  Diện tích hình chữ nhật.  + Tính diện tích phòng ngủ 2  Phòng ngủ 2 là hình vuông, cạnh 3m.  Tính diện tích hình vuông.  + Tính diện tích phòng ngủ 3  Diện tích phòng ngủ 3 = Diện tích nửa tầng – Diện tích phòng tắm.  Xác định độ dài các cạnh của phòng tắm.  Tính diện tích nửa tầng 2.  Tính diện tích phòng ngủ 3.  - HS hoàn thành bài theo yêu cầu.  - Kết quả:  *Bài giải*  *a) Diện tích tầng 2 nhà bạn Duy là:*  *6 8 = 48 (m2)*  *b) Diện tích phòng ngủ 2 là:*  *3 3 =9 (m2)*  *c) Diện tích phòng ngủ 3 và phòng tắm là:*  *4 6 = 24 (m2)*  *Diện tích phòng tắm là:*  *2 3 = 6 (m2)*  *Diện tích phòng ngủ là:*  *24 – 6 = 18 (m2)*  *Đáp số: a) 48m2; b) 9m2; c ) 18m2*  - HS hoàn thành bài theo yêu cầu.  - Kết quả:  *a) Ta có: 20cm2 8mm2 = 2 008mm2*  ***ChọnA.***  *b) Ta có: 15 dm2 9 cm2 = 15 09cm2*  *mà 1509 < 1590*  ***Chọn C.***  *c)* ***Chọn B.***  *d)****Chọn D.***  *e) Diện tích của một viên gạch là:*  *50 50 = 2500 (cm2)*  *Diện tích của căn phòng là:*  *2500 240 = 600 000 (cm2) = 60m2*  ***Chọn B.***  - HS hoàn thành bài theo yêu cầu.  - Kết quả:  *a) Bức tranh khi hoàn thành được gắn bởi tất cả số mảnh gốm là:*  *50 100 = 5 000 (mảnh gốm)*  *Diện tích mỗi mảnh gốm nhỏ là:*  *2 2 = 4 (cm2)*  *Diện tích bức tranh là:*  *4 5 000 = 20 000 (cm2) = 2m2.*  *Đáp số: a) 5 000 mảnh ghép*  *b) 2m2.*  - HS chú ý lắng nghe, tiếp thu và rút kinh nghiệm.  - HS chú ý nghe, quan sát bảng và ghi vở. |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

.......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................**..............................................................**

**TIẾT 2: TIẾNG VIỆT 4**

**NÓI VÀ NGHE - KỂ CHUYỆN: GIAN NAN THỬ SỨC**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

Sau bài học này, HS sẽ:

* Nhớ nội dung, dựa vào gợi ý kể lại được câu chuyện đã nghe ở lớp.
* Biết ghi chép, nhận xét, đóng góp ý kiến cho lời kể vầ ý kiến trao đổi của bạn.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

* *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Biết cùng các bạn kể lại câu chuyện đã học bằng hình thức nối tiếp.
* *Năng lực sáng tạo:* bước đầu biết kể/ đọc thơ bằng giọng diễn cảm kết hợp thể hiện vẻ mặt, cử chỉ phù hợp.

***Năng lực văn học:*** Thể hiện được lời kể bằng từ ngữ phù hợp, giọng kể/ đọc thơ diễn cảm, động tác có nét mặt phù hợp với câu chuyện.

**3. Phẩm chất**

* Có ý thức và hành động phù hợp để thực hiện các việc làm dù gặp khó khăn; Bồi dưỡng ý thức quyết tâm, tinh thần vượt qua khó khăn trong cuộc sống.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**a. Đối với giáo viên**

* SGK Tiếng Việt 5, SGV Tiếng Việt 5.
* Máy tính, máy chiếu.

**b. Đối với học sinh**

* SGK Tiếng Việt 5.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho HS và từng bước làm quen bài học.  **b. Tổ chức thực hiện**  *-* GV dẫn dắt, giới thiệu bài mới: *- GV giới thiệu bài: Chắc hẳn trong chúng ta, ai ai cũng đã từng gặp khó khăn và chúng ta phải cố gắng để vượt qua các khó khăn đó. Vì vậy, trong tiết Nói và nghe hôm nay, cô muốn các em sẽ kể về một tình huống khó khăn mà mình đã trải qua. Sau đó, các em sẽ chia sẻ suy nghĩ của mình về vai trò của ý chí, nghị lực qua bài: Trao đổi: Gian nan thử sức*  **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1: Kể một tình huống**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS:  - HS nắm được nội dung câu chuyện.  **b. Tổ chức thực hiện**  - GV tạo tâm thế học tập cho HS bằng cách phù hợp; chỉ tranh, giới thiệu câu chuyện sẽ kể.    - GV giao nhiệm vụ cho HS đọc yêu cầu BT1: *Nêu một tình huống khó khăn mà em đã gặp*  - GV tổ chức cho HS tập kể trong nhóm, đổi lượt để HS nào cũng được kể tất cả các đoạn.  - GV theo dõi, giúp đỡ HS kể chuyện; hướng dẫn để mỗi HS đều kể được tất cả các đoạn.  **Nhiệm vụ 2: Trao đổi về tình huống**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS:  - HS kể lại câu chuyện.  - HS cùng trao đổi về câu chuyện.  **b. Tổ chức thực hiện**  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu của BT 2:*Em đã vượt qua khó khăn như thế nào? Điều gì giúp em vượt qua khó khăn ấy?*    - GV tổ chức HS làm việc theo nhóm, báo cáo kết quả.  - GV nhận xét và gợi ý:  - GV nhận xét tiết học, khen ngợi HS kể chuyện hay, hiểu ý nghĩa câu chuyện.  **\* CỦNG CỐ, DẶN DÒ**  - GV nhận xét tiết học.  - GV nêu nhận xét về bài viếtđể cả lớp rút kinh nghiệm.  - HS chuẩn bị bài mới. | - HS lắng nghe, chuẩn bị vào bài mới.  - HS lắng nghe.  - HS đọc yêu cầu BT.  - HS thực hiện theo hướng dẫn của GV.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS đọcyêu cầu BT.  - HS báo cáo kết quả.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, thực hiện. |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

:......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................**.................................................................**

**Buổi chiều** **TIẾT 2 + 3: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ**

**BÀI 5: NƯỚC VĂN LANG, ÂU LẠC *(TIẾT 1,2)***

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

*Sau bài học này, HS sẽ:*

* Trình bày được sự ra đời của nước Văn Lang, Âu Lạc thông qua tìm hiểu một số truyền thuyết và bằng chứng khảo cô học.
* Sử dụng kiến thức lịch sử và một số truyền thuyết lịch sử (Sơn Tinh, Thủy Tinh; Thánh Gióng; Sự tích nỏ thần…), mô tả được đời sống kinh tế và công cuộc đấu tranh bảo vệ nhà nước Văn Lang, Âu Lạc.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

* *Giao tiếp và hợp tác:*Tham gia hoạt động nhóm, trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập; giới thiệu về nước Văn Lang, Âu Lạc.
* *Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Thực hiện nhiệm vụ học tập và trình bày kết quả thể hiện sự sáng tạo.
* *Tự chủ và tự học:* Sưu tầm tư liệu và giới thiệu về nước Văn Lang, Âu Lạc.

***Năng lực riêng:***

* *Nhận thức khoa học Lịch sử và Địa lí:* Trình bày được sự ra đời của nước Văn Lang, Âu Lạc.
* *Tìm hiểu lịch sử và địa lí:*Tìm, tra cứu hoặc sưu tầm thông tin cơ bản về nhà nước Văn Lang, Âu Lạc qua truyền thuyết và bằng chứng khảo cổ học.
* *Vận dụng kiến thức, kĩ năng học:*Sử dụng kiến thức lịch sử và một số truyền thuyết lịch sử mô tả được đời sống kinh tế và công cuộc đấu tranh bảo vệ nhà nước Văn Lang, Âu Lạc.

**3. Phẩm chất**

* *Yêu nước:* Tự hào và biết ơn tổ tiên đã áo công dựng nước và giữ nước thời Văn Lang, Âu Lạc.
* *Trách nhiệm*: Trân trọng, giữ gìn những giá trị văn hóa, truyền thống của tổ tiên.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Đối với giáo viên**

* Kế hoạch bài dạy, bài trình chiếu powerpoint.
* Tranh ảnh nhà nước Văn Lang, Âu Lạc.
* SGK Lịch sử và Địa lí 5 – bộ sách Cánh diều.
* Bảng con, giấy A4, bút viết,...

**2. Đối với học sinh**

* SHS Lịch sử và Địa lí 5 bộ sách Cánh diều.
* Thông tin, tài liệu, tranh ảnh về làm quen với phương tiện học tập môn Lịch sử và Địa lí.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** Thông qua Hoạt động, HS:  - Kết nối được kiến thức HS đã biết với nội dung kiến thức mới trong bài.  - Tạo hứng thú cho HS tiếp nhận bài học mới.  **b. Cách tiến hành**  - GV trình chiếu hình ảnh và dẫn dắt câu hỏi: *Năm 1954, trong lần về thăm Đền Hùng, Bác Hồ đã căn dặn cán bộ, chiến sĩ Đại đoàn Quân Tiên phong:“Các vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước”.*  http://svhttdl.phutho.gov.vn/images/Tin%20tuc/2018/9/2018-9-17-1.jpg  *Bác Hồ nói chuyện với Đại đoàn Quân Tiên Phong*  *tại Phú Thọ*  *+ Câu nói trên của Bác Hồ có ý nghĩa như thế nào?*  *+ Hãy chia sẻ hiểu biết của em về Nhà nước này.*  - GV mời 1 – 2 HS xung phong trả lời. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá và giới thiệu cho HS:  *+Câu nói trên của Bác Hồ mang ý nghĩa: nhắc nhở đồng thời muốn thể hiện lòng biết ơn đối với các vua Hùng đã có công dựng nên Nhà nước Văn Lang.*  *+ Một số hiểu biết về Nhà nước Văn Lang:*   * *Là nhà nước đầu tiên trong lịch sử Việt Nam.* * *Cư trú trên vùng đất ven sông Hồng từ Ba Vì (Hà Nội) đến Việt Trì (Phú Thọ).*   - GV dẫn dắt HS vào bài học: *Từ xa xưa, các vua Hùng đã dựng nước mở ra một thời kì mới cho dân tộc. Một trong những nhà nước đầu tiên của dân tộc ta là nhà nước Văn Lang – Âu Lạc. Để tìm hiểu sâu hơn, chúng ta sẽ cùng nhau đến với bài:* ***Bài 5: Nước Văn Lang, Âu Lạc.***  **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1: Tìm hiểu sự ra đời của nước Văn Lang, Âu Lạc**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS trình bày được sự ra đời của nước Văn lang, Âu Lạc thông qua tìm hiểu một số truyền thuyết và bắng chứng khảo cổ học.  **b. Cách tiến hành**  - GV chia HS cả lớp thành 4 nhóm (2 nhóm làm chung một nhiệm vụ).  - GV giao nhiệm vụ cụ thể cho các nhóm:  ***+Nhóm 1 + 2:*** *Đọc thông tin về sự ra đời của nước Văn Lang trong SHS tr.25 và quan sát hình ảnh để tìm hiểu truyền thuyết Con Rồng cháu Tiên và trình bày sự ra đời của nhà nước Văn Lang và hoàn thành Phiếu học tập 1.*    ***+ Nhóm 3 + 4:*** *Đọc thông tin về sự ra đời của nước Âu Lạc trong SHS tr.26 và quan sát hình ảnh để trình bày sự ra đời của nước Âu Lạc và hoàn thành Phiếu học tập số 1.*     |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**  **SỰ RA ĐỜI CỦA NƯỚC VĂN LANG, ÂU LẠC**  *Nhóm:…*   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Nhà nước**  **Văn Lang** | **Nhà nước Âu Lạc** | | Thời gian ra đời |  |  | | Người đứng đầu |  |  | | Địa bàn |  |  | | Kinh đô |  |  | | Căn cứ |  |  | |   - GV mở rộng kiến thức, khai thác kênh hình cho HS:  *+ Hình 1: Muôi bằng đồng thuộc Văn hóa Đông Sơn cách ngày nay 2000 – 2500 năm. Muôi bằng đồng, có kích thức dài 18,5 cm, có hai phần: phần múc và phần cán.*  *+ Hình 2: Rìu đồng là công cụ lao động, có hình lưỡi hài, gót vuông, trang trí hoa văn phong phú như: hình người, hình động vật.*  *+ Hình 3: Mộ thuyền Việt Khê được tìm thấy ở xã Phù Ninh, huyện Thủy Nguyên (Hải Phòng) bên trong chứa hơn 100 hiện vật gồm nhiều công cụ lao động, đồ dùng sinh hoạt, vũ khí chiến đấu… của cư dân Văn Lang, Âu Lạc.*  *+ Hình 4: Lưỡi cày đồng Cổ Loa là một trong công cụ lao động của cư dân Văn Lang – Âu Lạc khá phát triển.*  - GV mời đại diện 2 nhóm HS trình bày kết quả thảo luận. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá và kết luận:   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**  **SỰ RA ĐỜI CỦA NƯỚC VĂN LANG, ÂU LẠC**  *Nhóm:….*   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Nhà nước**  **Văn Lang** | **Nhà nước Âu Lạc** | | Thời gian ra đời | Ra đời cách ngày nay khoảng 2700 năm | Khoảng năm 208 TCN | | Người đứng đầu | Vua Hùng | Thục Phán | | Địa bàn | Lưu vực sông Hồng, sông Mã, sông Cả. |  | | Kinh đô | Phong Châu (Phú Thọ ngày nay) | Cổ Loa (Đông Anh, Hà Nội ngày nay) | | Căn cứ | Truyền thuyết Con Rồng Cháu Tiên và các di vật khảo cô (công cụ lao động, vũ khí…). | Dấu tích tường thành và hiện vật khảo cổ (lưỡi cày đồng, rìu đồng, lấy nỏ, mũi tên đồng…) | |   - GV trình chiếu cho HS nhiều hình ảnh liên quan đến sự ra đời nước Văn Lang, Âu Lạc:   |  |  | | --- | --- | | file:///C:/Users/Admin/AppData/Local/ZaloPC/2201337528880305081/ZaloDownloads/picture/6065059927711546910/z5100707394313_289afc685f8ca072bfc6f39ac2d4913d.jpg  *Trống đồng Đông Sơn* | *Thạp đồng Đào Thịnh* | | Đền An Dương Vương – Ngôi đền thiêng giữa thành Cổ Loa  *Đền thờ An Dương Vương ở Cổ Loa* | |   - GV cho HS xem video:  + Tổ chức nhà nước Văn Lang:  <https://www.youtube.com/watch?v=RwegzXi6_7Q>  + An Dương Vương lập nước Âu Lạc  <https://www.youtube.com/watch?v=_YxCQtcSbLY&t=4s>  - GV cung cấp thêm tư liệu cho HS về quá trình hình thành nhà nước Văn Lang – Âu Lạc: *Vua Hùng đến nhiều vùng dọc sông Thao, sông Đà chọn đất đóng đô cho nước Văn Lang nhưng chưa tìm được nơi phù hợp. Một hôm. Vua tới một vùng đất trước mặt có ba con sống tụ hội, hai bên là núi Tản Viên – Tam Đảo chầu về, đồi núi gần xa. Giữa những quả đồi xanh tốt ấy có ngọn núi lớn hình voi mẹ nằm giữa đàn con. Phóng tầm mắt nhìn ra bốn phía thấy ba bề bãi rộng bồi đắp phù sa, bốn mặt cây xanh, hoa tươi cỏ ngọt, vua mừng rỡ, khen thế đất vững bền, thực là đất họp muôn dân. Vua quyết định đặt đô ở đó, gọi tên là thành Phòng Châu.*  *(Theo Nguyễn Khắc Xương, Truyền thuyết Hùng Vương, NXB Kim Đồng, Hà Nội, 2012)*  **Hoạt động 2: Tìm hiểu đời sống kinh tế và công cuộc đấu tranh bảo vệ nước Văn Lang, Âu Lạc.**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS sử dụng kiến thức lịch sử và một số truyền thuyết lịch sử (Sơn Tinh, Thủy Tinh, Sự tích nỏ thần…) mô tả được đời sống kinh tế và công cuộc đấu tranh bảo vệ nước Văn Lang, Âu Lạc.  **b. Cách tiến hành**  - GV chia HS trong lớp thành những nhóm nhỏ (3 – 6 HS/nhóm) và giao nhiệm vụ:  ***+ Nhóm lẻ:*** *Quan sát Hình 5, 6 SHS tr.27 và đọc thông tin và mô tả đời sống kinh tế của nước Văn Lang, Âu Lạc và cho biết câu chuyện Sơn Tinh, Thủy Tinh phản ánh điều gì.*      ***+ Nhóm chẵn:*** *Đọc thông tin SHS tr.28 và mô tả cuộc đấu tranh bảo vệ nước Văn Lang, Âu Lạc và cho biết câu chuyện Thánh Gióng và sự tích nỏ thần thể hiện điều gì.*    - GV cho HS xem một số hình ảnh minh họa đời sống kinh tế và công cuộc đấu tranh của cư dân Văn Lang, Âu Lạc:   |  |  | | --- | --- | | RÌU ĐÔNG SƠN (phần 1). | Bac Si Nguyen Xuan Quang's Blog  *Rìu chiến Đông Sơn* | Mũi tên đồng Cổ Loa bước ra từ huyền thoại*Mũi tên đồng* | | Trang sức Đông Sơn - Tư duy và trình độ thẩm mỹ của người Việt cổ  *Vòng tay bằng đồng* | |   - GV mời đại diện 2 – 3 HS trình bày trước lớp. HS khác lắng nghe nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có)  - GV nhận xét, chốt kiến thức:  *+ Đời sống kinh tế của cư dân Văn Lang, Âu Lạc:*   * *Nông nghiệp: biết trồng lúa nước và các loại rau, củ, biết chăn nuôi, đánh bắt cá. Câu chuyện Sơn Tinh, Thủy Tinh phản ánh sự nỗ lực trong chế ngự lũ lụt để phát triển sản xuất nông nghiệp của người Việt cổ.* * *Thủ công nghiệp: làm gốm, làm mộc, dệt vải, đúc đồng.*   *+ Đấu tranh bảo vệ nước Văn Lang, Âu Lạc.*   * *Người Việt đã tiến hành các cuộc kháng chiến chống giặc Ân để bảo vệ nước Văn Lang, kháng chiến chống quân Triệu để bảo vệ nước Âu Lạc.* * *Truyền thuyết Thánh Gióng, Sự tích nỏ thần thể hiện tinh thần yêu nước cũng như quá trình đấu tranh chống ngoại xâm của người Việt từ xa xưa.*   - GV trình chiếu cho HS xem video về *Đời sống Văn Lang – Âu Lạc:*  <https://www.youtube.com/watch?v=BYBlLERk-TA>  - GV mở rộng kiến thức, cung cấp tư liệu: *Thửa xưa, người dân chưa biết cày cấy làm ra thóc gạo, chỉ sống bằng săn bắt thú rừng, thu lượm rễ cây, hoa quả và các loài rau dại, lúa hóa nhặt được. Nhận thấy, vùng đất ven sống hằng năm được phù sa bồi thêm màu mỡ, Vua Hùng tổ chức cho dân đến đắp bờ giữ nước. Thấy lúa mọc hoang nhiều, vua mới bày cách cho dân gỡ hạt, gieo mạ. Khi mạ xanh thì đem cấy vào ruộng có nước. Từ đó, nghề nông được hình hành và đem lại cuộc sống no ấm cho người dân.*  *(Theo Nguyễn Khắc Xương, Truyền thuyết Hùng Vương)*  **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**  **a. Mục tiêu:** HS vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học vào thực tiễn.  **b. Cách tiến hành**  - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm nhỏ (3 – 6HS/ nhóm) và thực hiện nhiệm vụ:  + *Nhiệm vụ 1: Sưu tầm tư liệu và giới thiệu về nước Văn Lang (sự ra đời, đời sống kinh tế, đấu tranh bảo vệ đất nước ..)*  *+ Nhiệm vụ 2: Đóng vai một hướng dẫn viên trong bảo tàng lịch sử, hãy giới thiệu về nước Âu Lạc (sự ra đời, đời sống kinh tế, đấu tranh bảo vệ đất nước…)*  - GV mời đại diện 1 – 2 nhóm HS trình bày kết quả nhiệm vụ. Các nhóm HS khác nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá, khích lệ HS.  - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “***Đố vui***”.  - GV đọc từng câu hỏi và HS giơ tay để phát biểu. GV công bố đáp án sau khi HS trả lời.  **Câu 1:** Kinh đô nhà nước Văn Lang đặt tại:  A. Cổ Loa.  B. Phong Châu.  C. Hoa Lư.  D. Tây Đô.  **Câu 2:** Sự ra đời của Văn Lang được phản ánh qua truyền thuyết nào?  A. Truyền thuyết Con Rồng Cháu Tiên.  B. Truyền thuyết Thánh Gióng  C. Truyền thuyết Sơn Tinh Thủy Tinh  D. Truyền thuyết Sự tích nỏ thần.  **Câu 3:** Mộ thuyền Việt Khê được phát hiện ở đâu?  A. Phong Châu (Phú Thọ)  B. Tây Đô (Thanh Hóa)  C. Thủy Nguyên (Hải Phòng).  D. Mê Linh (Vĩnh Phúc).  **Câu 4:** Kinh đô của nước Âu Lạc là:  A. Cổ Loa (Đông Anh, Hà Nội)  B. Luy Lâu (Thuận Thành – Bắc Ninh).  C. Bạch Hạc (Việt Trì – Phú Thọ)  D. lưu vực sông Hồng, sông Mã, sông Cả…  **Câu 5:** Đời sống của cư dân Văn Lang, Âu Lạc thể hiện qua:  A. Truyền thuyết Mai An Tiêm  B. Truyền thuyến Sự tích nỏ thần.  C. Truyền thuyết Thánh Gióng.  D. Truyền thuyết Thành Cổ Loa  - GV công bố đáp án ngay sau khi HS nêu đáp án:   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Câu 1** | **Câu 2** | **Câu 3** | **Câu 4** | **Câu 5** | | B | A | C | D | A |   **\* CỦNG CỐ**  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  **\* DẶN DÒ**  - GV nhắc nhở HS:  + Đọc lại bài học *Nhà nước Văn Lang, Âu Lạc*  + Có ý thức chăm chỉ, tìm tòi, học hỏi những phương tiện học tập môn Lịch sử và Địa lí.  + Đọc trước *Bài 6 – Vương quốc Phù Nam* (SHS tr.30). | - HS lắng nghe dẫn dắt và quan sát hình ảnh.  - HS lắng nghe câu hỏi.  - HS trả lời câu hỏi.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, chuẩn bị vào bài học mới.  - HS chia thành các nhóm và lắng nghe nhiệm vụ.  - HS quan sát *Phiếu học tập số 1.*  - HS quan sát hình ảnh và lắng nghe, tiếp thu.  - HS trình bày *Phiếu học tập số 1.*  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS quan sát hình ảnh.  - HS quan sát video  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS chia HS cả lớp thành các nhóm nhỏ và lắng nghe nhiệm vụ.  - HS quan sát hình ảnh.  - HS trả lời câu hỏi.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS trả lời câu hỏi.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS trả lời câu hỏi.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm.  - HS trả lời câu hỏi.  - HS tham gia trò chơi.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, thực hiện. |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

.......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................***.......................................................................***

***Thứ Năm ngày 24 tháng 10 năm 2024***

**Buổi chiều TIẾT 1: TOÁN 4**

**BÀI 21. HÉC-TA ( TIẾT 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

Sau bài học này, HS sẽ:

* Nhận biết đơn vị đo diện tích héc-ta: biểu tượng, tên gọi, kí hiệu, quan hệ giữa héc-ta với mét vuông.
* Đọc, viết các số đo theo đơn vị héc-ta.
* Thực hiện được việc chuyển đổi, tính toán với các số đo theo đơn vị héc-ta.
* Giải quyết vấn đề đơn giản liên quan đến đơn vị đo diện tích.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận với giáo viên và bạn bè để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

***Năng lực riêng:***

* Năng lực tư duy và lập luận toán học.
* Năng lực mô hình hóa.
* Năng lực giao tiếp và năng lực giải quyết vấn đề toán học.

**3. Phẩm chất**

* Chăm chỉ: Chăm học, ham học, có tinh thần tự học; chịu khó đọc sách giáo khoa, tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân.
* Trung thực: trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.
* Yêu thích môn học, sáng tạo, có niềm hứng thú, say mê các con số để giải quyết bài toán.
* Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, phát huy ý thức chủ động, trách nhiệm và bồi dưỡng sự tự tin, hứng thú trong việc học.

**II. PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ DẠY HỌC**

**1. Phương pháp dạy học**

* Vấn đáp, động não, trực quan, hoạt động nhóm.
* Nêu vấn đề, giải quyết vấn đề.

**2. Thiết bị dạy học**

**a. Đối với giáo viên**

* Giáo án.
* Bộ đồ dùng dạy, học Toán 5.
* Máy tính, máy chiếu.
* Bảng phụ, phiếu học tập.
* Hình vẽ trong SGK.

**b. Đối với học sinh**

* SHS.
* Vở ghi, dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú, kích thích sự tò mò của HS trước khi vào bài học.  **b. Cách thức tiến hành:**  - GV chiếu hình ảnh khởi động:    *-* GV đặt câu hỏi: “*Em hãy tính diện tích phần được tô viền đỏ trên?”*  - GV dẫn dắt: “*Ta nhận thấy, diện tích khi viết dưới số đo là mét vuông là một con số rất lớn. Vậy có đơn vị nào thay thế được đơn vị đo diện tích để tính diện tích được số gọn hơn không? Chúng ta cùng tìm hiểu trong bài học hôm nay “****Bài 21: Hec-ta****”.*  **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **a. Mục tiêu:** Nhận biết, đọc và viết đơn vị héc-ta.  **b. Cách thức tiến hành**  - GV giới thiệu: “Để đo diện tích ruộng đất, người ta còn dùng đơn vị héc-ta.”   * Héc-ta là diện tích của hình vuông có cạnh dài 100m.      * Héc-ta viết tắt là ha.   - GV lấy ví dụ: 3ha; 1,5ha.  - GV gọi 3 – 4 HS đọc lần lượt.  - GV cho HS thảo luận nhóm đôi, liên hệ bài toán mở đầu, chuyển đổi đơn vị giữa hec-ta và mét vuông.  + 1 ha bằng bao nhiêu mét vuông?  + Bao nhiêu mét vuông bằng 1 ha?  - GV chốt lại, HS nhắc lại.  **1 ha = 10 000 m2; 10 000 m2 = 1 ha**  **C. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH, LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:**  - HS hoàn thành các bài tập 1; 2; 3; 4; 5 trong SGK  **b. Cách thức tiến hành**  ***Nhiệm vụ 1: Hoàn thành BT1***  *a) Đọc các số đo diện tích sau: 135 ha; ha; 3,2 ha; 15,38 ha.*  *b) Viết các số đo diện tích sau:*  *- Sáu nghìn bốn trăm ba mươi héc-ta.*  *- Mười hai phẩy năm héc-ta.*  *- Một trăm ba mươi lăm phẩy sáu mươi hai héc-ta.*  - GV cho HS thảo luận nhóm đôi, nói cho nhau nghe cách làm và trình bày vào vở cá nhân.  - GV mời 2 - 3 HS trình bày kết quả.  - GV chữa bài, chốt đáp án.  ***Nhiệm vụ 2: Hoàn thành BT2***  *Số?*  *a) 4 ha =  m2  b) 80 000m2 = ha*  *10 ha =  m2 600 000 m2 = ha*  *275 ha =  m2 ha =  m2*  - GV cho HS nhắc lại quy tắc đổi đơn vị héc-ta ra đơn vị mét vuông và ngược lại.  - GV cho HS làm bài vào vở cá nhân.  - Đổi vở với bạn cùng bàn, chữa đáp án.  - GV mời 1 - 2 HS lên bảng thực hiện bài.  - GV chữa bài, chốt đáp án đúng.  **C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, TRẢI NGHIỆM**  **a. Mục tiêu:**  - HS hoàn thành các bài tập 5 trong SGK  - Hoàn thành BT trắc nghiệm.  **b. Cách thức tiến hành**  ***Nhiệm vụ 1: Hoàn thành BT***  *a) Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:*  *3ha 150m2 = …..m2*   |  |  | | --- | --- | | *A. 3150* | *B. 30150.* | | *C. 31500.* | *D. 3015.* |   *b) Dấu thích hợp điền vào chỗ chấm là:*  *6 ha 72m2 ….. 6072m2*   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | *A. >* | *B. =.* | *C. <.* | *D. Khác.* |   *c) Diện tích của vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng là 123 326ha. Hãy viết số đo diện tích của khu vườn dưới dạng mét vuông.*   |  |  | | --- | --- | | *A. 1 233 260 m2* | *B. 123 326 000 m2* | | *C. 1 233 260 000 m2* | *D. 12 332 600 m2* |   *d) Một khu đất hình chữ nhật có chu vi 1000m và có chiều dài bằng chiều rộng. Biết mỗi héc-ta thu hoạch được 32 tạ rau xanh. Hỏi khu vườn đó, thu hoạch được tất cả bao nhiêu tấn rau xanh?*   |  |  | | --- | --- | | *A. 192 tấn.* | *B. 19,2 tấn.* | | *C. 1920 tấn.* | *D. 1,92 tấn.* |   *e) Hồ Hoàn Kiếm có diện tích là 12ha. Số đo diện tích trên đọc là:*  *A. Mười hai ha.*  *B. Mười hai héc ta vuông.*  *C. Mười hai mét vuông.*  *D. Mười hai héc-ta.*  - GV cho HS làm bài cá nhân sau đó chia sẻ đáp án với bạn cùng bàn.  - GV mời một vài HS chia sẻ đáp án. Giải thích tại sao lại chọn phương án đó.  - GV chữa bài, chốt đáp án đúng.  **\* CỦNG CỐ**  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  **\* DẶN DÒ**  - Ôn tập kiến thức đã học*.*  - Hoàn thành bài tập trong SBT. | - HS trả lời  Diện tích phần được viền đỏ là:  *100 100 = 10 000 m2*  - HS chú ý nghe, hình thành động cơ học tập.  - HS chú ý nghe, ghi chép bài vào vở.  - HS đọc:  3ha: ba héc-ta  1,5: một phẩy năm héc-ta.  - HS thảo luận nhóm, trả lời:  + 1 ha = 10 000 m2  + 10 000 m2 = 1 ha.  - HS lắng nghe, ghi vở, đồng thanh.  + Cá nhân – cặp đôi – đồng thanh.  - HS hoàn thành bài theo yêu cầu.  - Kết quả:  *a) 135 ha: một trăm ba mươi lăm héc-ta.*  *ha: một phần bốn héc-ta.*  *15,38 ha: mười lăm phẩy ba mươi tám héc-ta.*  *b) Sáu nghìn bốn trăm ba mươi héc-ta: 6430 ha.*  *- Mười hai phẩy năm héc-ta: 12,5 ha.*  *- Một trăm ba mươi lăm phẩy sáu mươi hai héc-ta: 135,62 ha.*  - HS nhắc lại:  1 ha = 10 000 m2  10 000 m2 = 1 ha  - HS hoàn thành bài theo yêu cầu.  - Kết quả:  *a) 4 ha = 40 000 m2*  *10 ha = 100 000 m2*  *275 ha = 2 750 000 m2*  *b) 80 000m2 = 8 ha*  *600 000 m2 = 60 ha*  *ha =7500 m2*  - HS hoàn thành bài theo yêu cầu.  - Kết quả:  *a)* ***Chọn B.***  *b) Ta có: 6 ha 72 m2 = 60 072 m2*  *mà 60 072 > 6072*  ***Chọn A.***  *c)* ***Chọn B.***  *d) Nửa chu vi khu đất là:*  *1000 : 2 = 500 (m)*  *Tổng số phần bằng nhau là:*  *3 + 2 = 5 (phần)*  *Chiều dài khu đất là:*  *500 : 5 3 = 300 (m)*  *Chiều rộng khu đất là:*  *500 – 300 = 200 (m)*  *Diện tích khu đất là:*  *300 200 = 60 000 m2 = 6ha*  *Khu đất thu hoạch được số tấn rau là: 6 32 = 192 tạ = 19,2 tấn.*  ***Chọn B.***  *e)****Chọn D.***  - HS tự hoàn thành bài.  - HS chú ý lắng nghe, tiếp thu và rút kinh nghiệm.  - HS chú ý nghe, quan sát bảng và ghi vở. |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................***..............................................................***

**TIẾT 2: TIẾNG VIỆT 5**

**“VUA TÀU THỦY” BẠCH THÁI BƯỞI**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

Sau bài học này, HS sẽ:

* Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng các từ ngữ trong bài có âm, vần, thanh HS địa phương dễ viết sai; ngắt nghỉ hơi đúng; thể hiện lời nói và cảm xúc của nhân vật bằng giọng đọc phù hợp. Tốc độ đọc khoảng 90 – 100 tiếng/ phút.
* Hiểu nghĩa các từ ngữ trong bài. Biết tra sổ tay từ ngữ (từ điển) để hiểu nghĩa của các từ khó. Hiểu nội dung, ý nghĩa của bài đọc: *Ca ngợi Bạch Thái Bưởi, từ một cậu bé mồ côi cha, nhờ giàu nghị lực và ý chí vươn lên đã trở thành một nhà kinh doanh tên tuổi lừng lẫy.*

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

* *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Biết cùng các bạn thảo luận nhóm.
* *Năng lực tự chủ và tự học:*Biết tự giải quyết nhiệm vụ học tập: trả lời đúng các câu hỏi đọc hiểu.

***Năng lực văn học:***

* Phát hiện được những từ ngữ và chi tiết hay; biết bày tỏ được sự yêu thích đối với những từ ngữ, chi tiết đó.

**3. Phẩm chất**

* Bồi dưỡng phẩm chất chăm chỉ: thể hiện ở tinh thần quyết tâm khắc phục khó khăn, cố gắng học tập và lao động.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**a. Đối với giáo viên**

* SGK Tiếng Việt 5, SGV Tiếng Việt 5, Vở bài tập Tiếng Việt 5.
* Tranh minh họa bài đọc*.*
* Máy tính, máy chiếu.

**b. Đối với học sinh**

* SGK Tiếng Việt 5, Vở bài tập Tiếng Việt 5.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu**  - Tạo tâm thế hứng thú cho HS và từng bước làm quen bài học.  **b. Tổ chức thực hiện**  **-** GV giao nhiệm vụ cho HS: *Các em thấy những gì trong tranh?*    **-** GV mời HS chia sẻ.  - GV nhận xét và gợi ý: *Tranh vẽ một chiếc tàu thuỷ và ông Bạch Thái Bưởi.*  - GV dẫn dắt, giới thiệu vào bài mới: *Bạch Thái Bưởi là ai? Ông có liên quan gì đến chiếc tàu thuỷ trong bài? Để trả lời được câu hỏi đó, chúng ta cùng đọc và tìm hiểu Bài đọc 2: “Vua tàu thuỷ” Bạch Thái Bưởi” nhé!.*  **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1: Đọc thành tiếng**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS:  - Lắng nghe GV đọc mẫu, hướng dẫn đọc, luyện đọc từ khó, luyện cách ngắt nghỉ và đọc câu thể hiện cảm xúc của nhân vật.  - Đọc được bài đọc trong nhóm và trước lớp.  **b. Tổ chức thực hiện**  - GV đọc mẫu cho HS nghe: *Giọng đọc chậm rãi, tình cảm; nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật trong câu chuyện,...*  - GV hướng dẫn HS đọc và luyện đọc một số từ khó, hướng dẫn cách ngắt nghỉ, luyện đọc một số câu dài:  *+ Luyện đọc một số từ khó: quẩy, hãng buôn, xưởng sửa chữa tàu, diễn thuyết, …*  *+ Luyện đọc câu dài: Trên mỗi chiếc tàu,/ ông dán dòng chữ/ "Người ta thì đi tàu ta"/ và treo một cái ống/ để khách nào đồng tình với ông/ thì vui lòng bỏ tiền vào ống tiếp sức cho chủ tàu.// Lúc thịnh vượng nhất,/ công ti của Bạch Thái Bưởi/ có tới ba mươi chiếc tàu lớn nhỏ/ mang những cái tên lịch sử:/ Hồng Bàng,/ Lạc Long,/ Trung Trắc,/ Trưng Nhị,//…*  - GV tổ chức cho HS đọc thành tiếng đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp. Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý:  *+ Đoạn 1: Từ đầu đến “không nản chí”.*  *+ Đoạn 2: Tiếp theo đến “Trưng Nhị …”.*  *+ Đoạn 3:Còn lại.*  *\* Tùy thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để tuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.*  **Hoạt động 2: Đọc hiểu**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS:  - Giải nghĩa được một số từ khó.  - Đọc thầm lại bài đọc và trả lời các câu hỏi liên quan đến bài đọc.  - Nắm được nội dung, ý nghĩa của bài đọc.  **b. Tổ chức thực hiện**  - GV hướng dẫn HS giải nghĩa một số từ khó:  *+ Hiệu cầm đồ: cửa hàng nhận đồ của người đang cần tiền đem gửi để vay tiền.*  *+ Trắng tay: mất sạch tiền của.*  *+ Độc chiếm: chiếm giữ một mình, không chia sẻ cho ai.*  *+ Diễn thuyết: nói trước công chúng, nhằm tuyên truyền, thuyết phục.*  *+ Đồng, hào, xu: ba đơn vị tiền tệ thời trước.*  *+ Thịnh vượng: đang phát triển mạnh, giàu có lên.*  - GV tổ chức cho HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận trong nhóm hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi dưới đây:  *+ Câu 1. Những chi tiết về tuổi thơ và tuổi trẻ của Bạch Thái Bưởi cho thấy ông là người như thế nào?*  *+ Câu 2. Lúc mới thành lập, công ti vận tải đường biển của Bạch Thái Bưởi gặp khó khăn gì? Ông đã làm cách nào để vượt qua khó khăn đó?*  *+ Câu 3. Lời kêu gọi “Người ta thì đi tàu ta.” và tên các con tàu của Bạch Thái Bưởi nói lên điều gì về ông?*  *+ Câu 4. Theo em, nhờ đâu mà Bạch Thái Bưởi thành công và trở thành “một bậc anh hùng kinh tế”?*  - GV mời 1 – 2 HS trả lời câu hỏi, các HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án:  *+ Câu 1: Bạch Thái Bưởi rất thông minh, chịu khó (theo mẹ đi gánh hàng rong, làm đủ nghề), có ý chí, nghị lực (có lúc trắng tay, ông vẫn không nản chí).*  *+ Câu 2:*  *Công ti vận tải đường thuỷ của Bạch Thái Bưởi được thành lập vào lúc những con tàu của người Hoa, người Pháp đã độc chiếm các đường sông miền Bắc (việc tìm khách hàng của công ti hết sức khó khăn vì khách hàng đã quen dùng tàu của người Hoa, người Pháp).*  *Để vượt qua khó khăn đó, Bạch Thái Bưởi cho người đến các bến tàu diễn thuyết; trên mỗi chiếc tàu, ông dán dòng chữ “Người ta thì đi tàu ta” và treo một cái ống để khách nào đồng tình với ông thì vui lòng bỏ ống tiếp sức cho chủ tàu. Sau này, ông mua lại tàu của chủ tàu người Hoa, người Pháp, thuê kĩ sư giỏi trông nom.*  *+ Câu 3: HS nói theo suy nghĩ cá nhân. VD: Bạch Thái Bưởi rất hiểu tâm lí yêu nước của người Việt Nam. / Bạch Thái Bưởi rất yêu nước. / Bạch Thái Bưởi rất thông minh, có cách phát triển kinh tế đúng đắn. / ...*  *+ Câu 4: HS nói theo suy nghĩ cá nhân. VD: Nhờ ý chí, nghị lực và lòng quyết tâm. / Nhờ sự thông minh, dũng cảm. / Nhờ định hướng đúng đắn. / Nhờ sự ủng hộ của những người yêu nước muốn phát triển kinh tế của Việt Nam. / ...*  **Hoạt động 3: Đọc nâng cao**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS:  - Nhắc lại được nội dung, ý nghĩa bài đọc; xác định được giọng đọc của nhân vật.  - Luyện đọc trong nhóm và trước lớp.  **b. Tổ chức thực hiện**  - GV mời đại diện 1 – 2 HS nhắc lại nội dung, ý nghĩa bài đọc *“Vua tàu thủy” Bạch Thái Bưởi.*  - GV tổ chức cho HS đọc đoạn 2 và 3 và xác định giọng đọc đoạn này:  *Bạch Thái Bưởi mở công ti vận tải đường thuỷ / vào lúc những con tàu của người Hoa, / người Pháp / đã độc chiếm các đường sông miền Bắc. // Ông cho người đến các bến tàu diễn thuyết. // Trên mỗi chiếc tàu, / ông dán dòng chữ “****Người ta thì đi tàu ta****” / và treo một cái ống / để khách nào đồng tình với ông thì vui lòng bỏ tiền vào ống tiếp sức cho chủ tàu. // Khi bổ ống, / tiền đồng* ***rất nhiều****, / tiền hào, / tiền xu thì vô kể. // Khách đi tàu của ông* ***ngày một đông****. // Nhiều* ***chủ tàu người Hoa****,* ***/ người Pháp*** *phải bán lại tàu cho ông.*  *Chỉ trong mười năm, / Bạch Thái Bưởi đã trở thành* ***“một bậc anh hùng kinh tế****” / như đánh giá của người cùng thời*  - GV tổ chức cho HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn 1.  - GV mời 1 – 2 HS khá, giỏi đọc cả bài, các HS khác lắng nghe, nhận xét (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá hoạt động của lớp.  **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS:  - Củng cố kiến thức bài đọc *“Vua tàu thủy” Bạch Thái Bưởi*.  **b. Tổ chức thực hiện**  - GV tổ chức trò chơi *Ai thông minh hơn học sinh lớp 5* để HS củng cố bài.  - GV phổ biến trò chơi như sau: *GV sẽ chiếu từng câu hỏi trắc nghiệm lên màn hình, HS giơ tay phát biểu sau hiệu lệnh của GV. HS nào trả lời được nhiều câu đúng sẽ được phần thưởng từ GV.*  - GV chiếu từng câu hỏi lên màn hình:  ***+ Câu 1: Nhân vật chính trong văn bản "Vua tàu thủy Bạch Thái Bưởi" là ai?***  *A. Bạch Thái Bưởi*  *B. Bạch Thanh Bưởi*  *C. Bạch Thành Công*  *D. Bách Thái Bưởi*  ***+ Câu 2: Vì sao nhà họ Bạch lại nhận Bạch Thái Bưởi làm con nuôi và cho ăn học?***  *A. Vì thấy ông dũng cảm*  *B. Vì thấy ông khôi ngô*  *C. Vì thấy ông nhanh nhẹn*  *D. Vì thấy ông thông minh*  ***+ Câu 3: Những cái tên mà Bạch Thái Bưởi chọn để đặt cho các con tàu của mình có gì đặc biệt?***  *A. Những cái tên đó đều là tên của danh nhân được nhiều người biết đến*  *B. Những cái tên đó đều chỉ có hai tiếng*  *C. Những cái tên đó là tên của các vị anh hùng dân tộc Việt Nam*  *D. Những cái tên đó đều là tên người*  ***+ Câu 4: Vì sao Bạch Thái Bưởi lại chọn tên các anh hùng dân tộc để đặt cho các chiếc tàu của mình?***  *A. Vì ông muốn thể hiện tinh thần yêu nước, niềm tự hào dân tộc của mình*  *B. Vì ông muốn dựa vào đó để thu hút người dân đi tàu của mình*  *C. Vì ông muốn giới thiệu đến các nước bạn những vị anh hùng dân tộc của nước ta*  *D. Vì ông muốn phân biệt tàu của mình với tàu của người Hoa, người Pháp*  ***+ Câu 5: Em có suy nghĩ như thế nào về đoạn văn sau:***  *Trên mỗi chiếc tàu, ông dán dòng chữ "Người ta thì đi tàu ta" và treo một cái ống để khách nào đồng tình với ông thì vui lòng bỏ tiền vào ống tiếp sức cho chủ tàu. Khi bổ ống, tiền đồng rất nhiều, tiền hào, tiền xu thì vô kể.*  *A. Ông Bạch Thái Bưởi rất thông minh, biết cách kiếm tiền*  *B. Đồng bào ta rất giàu có và hào phóng*  *C. Đồng bào ta rất yêu quý ông Bạch Thái Bưởi*  *D. Đồng bào ta rất yêu nước và có tinh thần dân tộc*  - GV mời đại diện lần lượt HS trả lời. Các HS khác lắng nghe, bổ sung đáp án (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án:   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | 1. A | 2. B | 3. C | 4. A | 5. D |   **\* CỦNG CỐ, DẶN DÒ**  - GV nhận xét tiết học, khen ngợi biểu dương những HS học tốt.  - Khuyến khích HS tìm đọc những bài viết về chủ điểm. | - HS lắng nghe, chuẩn bị.  - HS chia sẻ.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, chuẩn bị vào bài mới.  - HS lắng nghe GV đọc mẫu, đọc thầm theo.  - HS luyện đọc theo hướng dẫn của GV.  - HS luyện đọc theo nhóm.  - HS cùng GV giải nghĩa một số từ khó.  - HS đọc thầm, HS làm việc nhóm đôi để trả lời các câu hỏi.  - HS trả lời.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS nhắc lại nội dung bài.  - HS luyện đọc theo nhóm.  - HS đọc bài, các HS khác lắng nghe, đọc thầm theo.  - HS thực hiện theo hướng dẫn của GV.  - HS lắng nghe và tiếp thu.  - HS tham gia trò chơi.  - HS lắng nghe GV hướng dẫn trò chơi.  - HS theo dõi từng câu hỏi.  - HS trả lời câu hỏi, các HS khác lắng nghe, bổ sung đáp án (nếu có)  - HS quan sát, tiếp thu  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, thực hiện. |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................***...............................................................................***

**TIẾT 3: TOÁN TĂNG**

**SỐ THẬP PHÂN (Tiếp theo)**

**SỐ THẬP PHÂN BẰNG NHAU**

**SO SÁNH SỐ THẬP PHÂN**( tiết 2)

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Củng cố cách đọc, viết số thập phân, cách chuyển đổi giữa số thập phân và phân số thập phân. Củng cố kiến thức về số thập phân bằng nhau: khi viết thêm chữ số 0 vào bên phải phần thập phân hoặc bỏ chữ số 0 (nếu có) ở tận cùng bên phải của số thập phân thì giá trị của số thập phân không thay đổi.

- HS làm được các bài tập liên quan đến việc nhận diện hai STP bằng nhau.

- Củng cố cho HS cách so sánh hai số thập phân và biết sắp xếp các số thập phân theo thứ tự từ bé đến lớn (hoặc ngược lại).

- Thực hành sử dụng số thập phân trong đọc, viết các số đo đại lượng.

- HS làm được các bài tập liên quan đến việc so sánh STP.

**2. Năng lực chung:**

- Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, ....

**3. Phẩm chất:**

- Chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học, cẩn thận khi làm bài và yêu thích môn học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Vở BTPTNL lớp 5 tập 1….

- HS : Vở BTPTNL lớp 5 ,bút, ...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **1.Khởi động:**  - GV yêu cầu HS so sánh hai số thập phân 7,5 và 9,1; 7,652 và 7,658  - GV nhận xét, kết luận. Giới thiệu bài  **2. Hoạt động luyện tập:**  **Bài 7 ( trang 24 – VBT PTNL)**  - Gọi HS đọc đề bài  - Nêu cách chuyển hỗn số thành số thập phân?  - Cho cả lớp làm vào VBT  - Gọi HS làm bảng lớp  - Mời HS nhận xét  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung (nếu cần).  *- GV: Củng cố cách chuyển hỗn số thành số thập phân*  **Bài 8( trang 24 – VBT PTNL)**  - Gọi HS đọc đề bài  - Nếu các cách đọc số thập phân  - Cho cả lớp làm vào VBT  - Gọi HS nêu kết quả.  - Mời HS nhận xét  - GV nhận xét  *- GV: Củng cố cách đọc và phân tích số thập phân*  **Bài 9 ( trang 25 – VBT PTNL)**  - Bài yêu cầu gì?  - Nêu cách viết số thập phân  - Cho cả lớp làm bài vào VBT  - Gọi 1 HS làm bảng lớp  - GV nhận xét  *- GV: Củng cố cách đọc, cách viết số thập phân, tìm giá trị của chữ số trong số thập phân*  **Bài 10( trang 22 – VBT PTNL)**  - Gọi HS đọc đề bài  - Yêu cầu HS nêu cách so sánh hai số thập phân  - GV hướng dẫn và làm mẫu phép so sánh đầu tiên của bài  - Cho HS làm VBT  - Gọi 2 HS lên bảng làm bài  - GV nhận xét, chốt kết quả  - Cho HS đổi chéo vở kiểm tra  *- GV: Củng cố cách so sánh hai số thập phân*  **4. Vận dụng :**  - GV nhận xét tiết học.  - HS nêu lại nội dung bài  - Dặn HS về nhà làm các bài còn lại | - HS nêu  - HS đọc đề  - HS nêu  - Cả lớp làm vào VBT  - 1 HS làm bảng lớp  - Nhận xét, bổ sung.  - HS đọc  - HS trả lời  - Cả lớp làm vở  - HS nêu  - HS nhận xét  - HS nêu  - HS trả lời  - Cả lớp làm vở BT  - HS thực hiện  - HS lắng nghe  - HS đọc  - HS trả lời  - HS quan sát, lắng nghe  - HS thực hiện  - 2HS làm bảng lớp  - HS đổi chéo vở kiểm tra  - HS lắng nghe  - HS nêu lại nội dung bài  - HS thực hiện |

**ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY ( NẾU CÓ):**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**....................................................................**

***Thứ Sáu ngày 25 tháng 10 năm 2024***

***Buổi sáng* TIẾT 1: TOÁN 5**

**BÀI 21. HÉC-TA ( TIẾT 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

Sau bài học này, HS sẽ:

* Nhận biết đơn vị đo diện tích héc-ta: biểu tượng, tên gọi, kí hiệu, quan hệ giữa héc-ta với mét vuông.
* Đọc, viết các số đo theo đơn vị héc-ta.
* Thực hiện được việc chuyển đổi, tính toán với các số đo theo đơn vị héc-ta.
* Giải quyết vấn đề đơn giản liên quan đến đơn vị đo diện tích.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận với giáo viên và bạn bè để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

***Năng lực riêng:***

* Năng lực tư duy và lập luận toán học.
* Năng lực mô hình hóa.
* Năng lực giao tiếp và năng lực giải quyết vấn đề toán học.

**3. Phẩm chất**

* Chăm chỉ: Chăm học, ham học, có tinh thần tự học; chịu khó đọc sách giáo khoa, tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân.
* Trung thực: trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.
* Yêu thích môn học, sáng tạo, có niềm hứng thú, say mê các con số để giải quyết bài toán.
* Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, phát huy ý thức chủ động, trách nhiệm và bồi dưỡng sự tự tin, hứng thú trong việc học.

**II. PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ DẠY HỌC**

**1. Phương pháp dạy học**

* Vấn đáp, động não, trực quan, hoạt động nhóm.
* Nêu vấn đề, giải quyết vấn đề.

**2. Thiết bị dạy học**

**a. Đối với giáo viên**

* Giáo án.
* Bộ đồ dùng dạy, học Toán 5.
* Máy tính, máy chiếu.
* Bảng phụ, phiếu học tập.
* Hình vẽ trong SGK.

**b. Đối với học sinh**

* SHS.
* Vở ghi, dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú, kích thích sự tò mò của HS trước khi vào bài học.  **b. Cách thức tiến hành:**  - GV cho hs nêu lại kiến thức đã học tiết 1  **B. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH, LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:**  - HS hoàn thành các bài tập 3; 4; 5 trong SGK  **b. Cách thức tiến hành**  ***Nhiệm vụ 3: Hoàn thành BT3***  *a) Sân bóng đá Mỹ Đình (Hà Nội) có dạng hình chữ nhật với chiều dài 105m, chiều rộng 68m. Hỏi diện tích sân bóng đá Mỹ Đình lớn hơn hay bé hơn 1ha?*  *b) Một bãi độ xe có diện tích 1ha, mỗi chỗ để xe ô tô con có diện tích khoảng 25m2 (bao gồm cả diện tích dùng làm lối đi). Hỏi có nhiều nhất bao nhiêu ô tô con đỗ được cùng một lúc trong bãi đỗ xe đó?*  - GV gợi ý HS:  *+ Diện tích sân bóng đá Mỹ Đình là bao nhiêu?*  *+ So sánh diện tích đó với 1ha để kết luận, lưu ý so sánh khi các số đo cùng đơn vị.*  *+ Muốn tính có nhiều nhất bao nhiêu ô tô đỗ được cùng lúc ta làm phép tính gì?*  - HS làm vào vở cá nhân.  - GV mời 1 – 2 HS lên bảng trả lời, khuyến khích HS nói cách làm.  - GV chữa bài, chốt đáp án đúng.  ***Nhiệm vụ 4: Hoàn thành BT4***  *Diện tích rừng Cúc Phương là 22 200 ha. Em hãy viết số đo diện tích rừng Cúc Phương theo đơn vị mét vuông.*    - HS làm vào vở cá nhân.  - GV mời 1 – 2 HS lên bảng trả lời, khuyến khích HS nói cách làm.  - GV chữa bài, chốt đáp án đúng.  ***Nhiệm vụ 5: Hoàn thành BT5***  *Khuôn viên quảng trường Ba Đình có dạng hình chữ nhật với chiều dài 320m và chiều rộng 100m.*    *a) Hương nói rằng quảng trường Ba Đình có diện tích khoảng 3 ha.*  *b) Nếu cứ mỗi mét vuông có 4 người đứng thì quảng trường Ba Đình có thể chứa được bao nhiêu người?*  - HS thảo luận với bạn cùng bàn, nói cho nhau nghe cách làm và trình bày vào vở cá nhân.  - GV hướng dẫn HS cách đổi đơn vị:  32 000 m2 =  Mở rộng: GV cho HS làm thêm việc đổi các đơn vị khác.  Ví dụ:   |  |  | | --- | --- | | a) 5cm = ….. m  61cm = ……dm  125m = ……km | b) 25dm2 = …..m2  617cm2 = ……m2  250m2 = …….ha |   - GV mời 1 – 2 HS lên bảng trả lời, khuyến khích HS nói cách làm.  - GV chữa bài, chốt đáp án đúng.  **C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, TRẢI NGHIỆM**  **a. Mục tiêu:**  - HS hoàn thành các bài tập 6 trong SGK  - Hoàn thành BT trắc nghiệm.  **b. Cách thức tiến hành**  ***Nhiệm vụ 2: Hoàn thành BT6***  *Tìm hiểu trên sách, báo, internet và các phương tiện truyền thông khác thông tin về diện tích một số vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, sân vận động, …*  - GV cho HS hoàn thành ở nhà, chia sẻ kết quả với bạn cùng bàn.  - GV giới thiệu một vài địa điểm:  + Khu bảo tồn biển Phú Quốc có diện tích khoảng 40 909 ha.  + Hồ Bảy Mẫu nằm trong công viên Thống Nhất có diện tích 28ha.  **\* CỦNG CỐ**  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  **\* DẶN DÒ**  - Ôn tập kiến thức đã học*.*  - Hoàn thành bài tập trong SBT.  - Đọc và chuẩn bị trước Bài 22 – *Ki-lô-mét vuông.* | - HS hoàn thành bài theo yêu cầu.  - Kết quả:  *Đổi 1ha = 10 000m2*  *a) Diện tích sân bóng đá Mỹ Đình là:*  *105 68 = 7 140 (m2)*  *Có: 7 140m2< 10 000m2*  *Vậy diện tích sân bóng đá Mỹ Đình nhỏ hơn 1ha.*  *b) Có nhiều nhất số ô tô con đỗ được cùng một lúc là:*  *10 000 : 25 = 400 (xe)*  - HS hoàn thành bài theo yêu cầu.  - Kết quả:  *Đổi 22 200 ha = 222 000 000m2*  *Vậy diện tích rừng Cúc Phương là 222 000 000 m2.*  - Kết quả:  *a) Diện tích khuôn viên quảng trường Ba Đình là:*  *320 100 = 32 000 (m2)*  *Đổi: 32 000m2 = 3,2 ha*  *Làm tròn 3,2 đến hàng đơn vị, ta được 3.*  *Vậy Hương nói đúng.*  *b) Quảng trường Ba Đình có thể chứa được số người là:*  *32 000 4 = 128 000 (người)*  *Đáp số: 128 000 người.*  - HS hoàn thành bài theo yêu cầu.  Ví dụ:   |  | | --- | | a) 5 cm = 0,05 m  61 cm = 6,1 dm  125 m = 0,125 km  b) 25 dm2 = 0,25 m2  617 cm2 = 0,0617 m2  250 m2 = 0,025 ha |   *d) Nửa chu vi khu đất là:*  *1000 : 2 = 500 (m)*  - HS tự hoàn thành bài.  - HS chú ý lắng nghe, tiếp thu và rút kinh nghiệm.  - HS chú ý nghe, quan sát bảng và ghi vở. |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

:........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................**......................................................................**

**TIẾT 2: TIẾNG VIỆT 6**

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU: TỪ ĐA NGHĨA**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

Sau bài học này, HS sẽ:

* Hiểu khái niệm, nhận biết được từ đa nghĩa.
* Phân biệt được trong từ đa nghĩa: nghĩa gốc và nghĩa chuyển.
* Đặt được câu theo yêu cầu, trong câu có từ đa nghĩa.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

* *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* biết thể hiện rõ ràng suy nghĩ, cảm xúc của bản thân và biết thảo luận với bạn để hoàn thành nhiệm vụ học tập.
* *Năng lực tự chủ và tự học:* Tự hoàn thiện nhiệm vụ học tập.
* *Năng lực sáng tạo:*Biết vận dụng nhũng điều đã học để đặt câu theo yêu cầu.

**3. Phẩm chất**

* Bồi dưỡng phẩm chất chăm chỉ: bồi dưỡng ý thức học tập chăm chỉ, cẩn thận.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**a. Đối với giáo viên**

* SGK Tiếng Việt 5, SGV Tiếng Việt 5.
* Bảng phụ máy chiếu (nếu có).

**b. Đối với học sinh**

* SGK Tiếng Việt 5, VBT.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu**  - Tạo tâm thế hứng thú cho HS và từng bước làm quen bài học.  **b. Tổ chức thực hiện**  **-** GV tổ chức cho HS cùng hát một bài hát các em yêu thích, tạo không khí thoải mái, sôi động và vui vẻ trước khi vào lớp.  - GV dẫn dắt, giới thiệu về bài mới: *Hôm nay, trong bài Từ đa nghĩa, các em sẽ tìm hiểu thế nào từ đa nghĩa.*  **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1: Nhận xét**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS sẽ:  - Nắm được yêu cầu bài tập.  - Trả lời được những câu hỏi trong bài và vận dụng vào những BT có liên quan.  **b. Tổ chức thực hiện**  **Nhiệm vụ 1: Tìm nghĩa phù hợp với bộ phận câu in đậm**  - GV mời 1 − 2 HS đọc BT 1. Cả lớp đọc thầm theo.  - GV hướng dẫn cách làm bài: *Tìm nghĩa phù hợp với các từ in đậm để nối với các từ bên phải.*  - GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm 3 - 4, làm bài trên phiếu nhóm.  - GV tổ chức cho báo cáo kết quả.  - GV nhận xét, chốt lại câu trả lời đúng:   |  |  | | --- | --- | | **Câu** | **Nghĩa** | | a. **Chân** com-pa (chân đứng, chân quay), **chân** kiềng, **chân** bàn | 3. Bộ phận dưới cùng của một số đồ dùng, có tác dụng đỡ cho các bộ phận khác. | | b.**Chân** của người (bàn **chân** của bé, **chân** đi khắp nhà) | 1. Bộ phận dưới cùng của cơ thể người hoặc động vật, dùng để đi, đứng. | | c. **Chân** núi | 2. Phần dưới cùng của một số vật, tiếp giáp và bám chặt vào mặt nền. |   **Nhiệm vụ 2: So sánh nghĩa**  - GV mời 1 – 2 HS đọc yêu cầu BT2. *Ba nghĩa trên của từ* ***chân*** *có những điểm nào giống nhau và khác nhau?*  - GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm 3 – 4, làm bài trên phiếu nhóm, GV theo dõi và hỗ trợ HS.  - GV mời đại diện một số nhóm nêu kết quả, các HS khác bổ sung, nêu ý kiến.  - GV nhận xét, chốt lại đáp án đúng:  \* Điểm giống nhau: “Chân” chỉ bộ phận dưới cùng của sự vật  \* Điểm khác nhau:  a) Chân com-pa, chân kiềng, chân bàn: chỉ bộ phận của vật, có tác dụng đỡ cho bộ phận khác.  b) Chân của người: chỉ bộ phận của cơ thể người hoặc động vật; dùng để đi, đứng.  c) Chân núi: chỉ bộ phận của vật, có vị trí tiếp giáp và bám chặt vào mặt nền.  **Hoạt động 2: Rút ra bài học**  **a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS:**  - Từ nhận xét rút ra bài học.  **b. Tổ chức thực hiện**  - GV mời 1 – 2 HS đọc to bài học trong SGK. Các HS khác đọc thầm theo: *Từ đa nghĩa là từ nhiều nghĩa, trong đó có một nghĩa góc và một (hay một số) nghĩa chuyển. Các nghĩa của từ đa nghĩa bao giờ cũng có mối liên hệ với nhau*  **Hoạt động 3: Thực hành**  **a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS:**  - Vận dụng kiến thức vào BT có liên quan.  **b. Tổ chức thực hiện**  **Nhiệm vụ 1: Tìm trạng ngữ trong các câu.**  - GV mời 1 – 2 HS đọc BT1: *Trong những câu nào dưới đây, các từ* ***mặt, xanh, chạy*** *mang nghĩa gốc? Trong những câu nào, chúng mang nghĩa chuyển?*  *a) Mặt*  *– (1) Một buổi sáng, chúng tôi đến chỗ bác Tâm – mẹ của Thu – làm việc... Bác đội mũ, khăn trùm gần kín mặt, chỉ để hở mỗi cái mũi và đôi mắt.*  *Theo NGUYỄN THỊ XUYẾN*  *– (2) Tôi và Thu ngắm mãi không biết chán những miếng và trên mặt đường.*  *Theo NGUYỄN THỊ XUYẾN*  *b) Xanh*  *– (1) Hoa càng đỏ, lá càng xanh.*  *Theo XUÂN DIỆU*  *– (2) Chấm ước ao có một mái tóc cho thật dài, thật xanh. Nhưng tóc Chấm từ thuở bé cứ đỏ quạch và không sao dài được.*  *Theo ĐÀO VŨ*  *c) Chạy*  *– (1) Xa xa, mấy chiếc thuyền đang chạy ra khơi, cánh buồm lòng vút cong thon thả.*  *Theo BÙI HIỂN*  *– (2) Sáng sớm hôm ấy, Mây dậy sớm hơn mọi ngày. Không kịp chải đầu, rửa mặt, em chạy vội ra phía bờ sông.*  *KIM VIÊN*  - GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm đôi.  - GV mời HS báo cáo kết quả, các HS khác nêu ý kiến.  - GV nhận xét và nêu đáp án đúng (bộ phận trạng ngữ được in đậm):  *a)*  *+ Bác đội mũ, khăn trùm gần kín mặt,… : nghĩa gốc (“mặt” ở câu này mang nghĩa ban đầu)*  *+ … những miếng vá trên mặt đường. : nghĩa chuyển (“mặt” ở câu này là nghĩa biến đổi từ nghĩa gốc - mặt người).*  *b)*  *+ Hoa càng đỏ, lá càng xanh. : nghĩa gốc (“xanh” ở câu này mang nghĩa ban đầu)*  *+ … mái tóc cho thật dài, thật xanh. : nghĩa chuyển (“xanh” ở câu này là nghĩa biến đổi từ nghĩa gốc - màu xanh)*  *c)*  *+ … mấy chiếc thuyền đang chạy ra khơi,… : nghĩa chuyển (“chạy” ở câu này là nghĩa biến đổi từ nghĩa gốc - hoạt động chạy của người)*  *+ … em chạy vội ra phía bờ sông. : nghĩa gốc (“chạy” ở câu này mang nghĩa ban đầu)*  **Nhiệm vụ 2: Đặt câu nói về bộ phận cơ thể con người và động vật trong đó có từ đa nghĩa**  - GV hướng dẫn HS làm bài:  *+ Chọn một nội dung để viết: viết về bộ phận cơ thể người và động vật.*  *+ Viết 1 câu theo nội dung đã chọn, trong câu có từ đa nghĩa.*  *+ Chỉ ra từ đa nghĩa.*  - GV tổ chức cho HS làm bài vào VBT.  - GV mời một số HS báo cáo kết quả, các bạn khác nhận xét và bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét, góp ý để bài làm thêm hoàn thiện.  - GV chốt đáp án:  *+ Cổ: cổ chai, cổ hũ, cổ lọ, cổ bình, cổ tay, cổ chân, cổ áo,…*  *+ Miệng: miệng chai, miệng bát, miệng chén, miệng giếng, miệng nồi, miệng núi lửa, miệng ăn (chỉ người ăn trong gia đình),…*  *+ Tay: tay áo, tay lái (bộ phận của cái xe), tay lái (chỉ người lái xe), tay vợt (chỉ người chơi bộ môn thể thao dùng vợt, VD: tay vợt ten nít), tay tre (cành của cây tre), tay mướp / su su / bí (tua bám của cây mướp / su su / bí),…*  *+ Mắt: mắt kính, mắt của quả na, mắt cây (cục u nổi trên thân cây), mắt bão, mắt thần (của thiết bị điện tử),…*  **\* CỦNG CỐ, DẶN DÒ**  - GV nhận xét tiết học.  - GV nêu nhận xét về bài viếtđể cả lớp rút kinh nghiệm.  - HS chuẩn bị bài mới. | - HS hát cùng cả lớp.  - HS lắng nghe, chuẩn bị vào bài mới.  - HS đọc yêu cầu BT.  - HS làm bài.  - HS thảo luận nhóm.  - HS báo cáo kết quả.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS đọc yêu cầu BT.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS thảo luận nhóm.  - HS nêu kết quả.  - HS đọc bài học.  - HS đọc yêu cầu BT.  - HS thảo luận nhóm.  - HS báo cáo kết quả.  - HS nêu đáp án.  - HS làm bài  - HS làm BT.  - HS báo cáo kết quả.  - HS lắng nghe, hoàn thiện.  - HS chú ý lắng nghe.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, thực hiện. |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

...........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................**.............................................................**

**TIẾT 3: TIẾNG VIỆT 7**

**LUYỆN TẬP TẢ NGƯỜI**

***(Tả hoạt động, tính cách)***

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Phát triển các năng lực đặc thù**

***1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ***

- Viết được đoạn văn tả hoạt động, tính cách của người; thể hiện được tình cảm của mình đối với người được tả. Đoạn văn mắc ít lỗi chính tả, ngữ pháp.

***1.2. Phát triển năng lực văn học***

- Viếtđượcđoạnvănmạchlạccómộtsốtừngữgiàuhìnhảnh,cảmxúc.

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất**

- Phát triển NL giao tiếp và hợp tác: HS biết giới thiệu bài viết, thể hiện rõ ràng suy nghĩ, tình cảm của bản thân

- Phát triển NL tự chủ và tự học: HS tự giải quyết nhiệm vụ học tập, viết được đoạn văn; sửa lỗi và hoàn thiện đoạn văn.

- Phát triển NL giải quyết vấn đề và sáng tạo: HS bước đầu biết sử dụng từ ngữ sáng tạo để biểu đạtnộidung.

- BồidưỡngPCchămchỉ,tráchnhiệm: hoànthànhnhiệmvụhọctập; PC nhân ái: nhìn nhận những điểm tích cực ở bạn, yêu quý bạn.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV chuẩn bị: máy tính, máy chiếu; phiếu học tập hoặc vở ôli dành cho HS.

- HS chuẩn bị: SGK *Tiếng Việt 5*, tập một.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** | |
| **-** GV có thể kiểm tra bài cũ bằng trò chơi “Lật mảnh ghép” với các nội dung dưới đây:  +MG1: *- Đoạn văn tả ngoại hình của người nằm ở phần nào của bài văn tả người?*  +MG2: *- Hát một bài hát về bạn bè mà bạn biết.*  +MG3: - *Phần thân bài của bài văn tả người sẽ tả những gì của người?*  **- GV giới thiệu bài:** ỞBàiviết1,cácemđãtậpviếtđoạnvăntảngoạihìnhcủangười.Hômnay,các em sẽ tập viết đoạn văn tả hoạt động, tính cách của người qua bài: *Luyện tập tả người (tả hoạt động, tính cách)* | - Học sinh chơi trò chơi khởi động “Lật mảnh ghép”.  - HS lắng nghe GV giới thiệu, đọc thầm đề bài. |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN** **THỨC**  **Mục tiêu:**  - Biết nhận xét đoạn văn tả hoạt động, tính cách của người qua BT1.  - Biết chọn những chi tiết tiêu biểu để tảhoạt động, tính cách.  - Bướcđầubiếtsửdụngtừngữgợitảmộtcáchsinhđộng,thểhiệntìnhcảmcủa bản thân đối với người được tả. | |
| **Hoạt động 1: Nhận xét về cách tả hoạt động, tính cách của người trong các đoạn văn (BT1)**  **\*Cách tiến hành:**  - GV mời 2 HS đọc nối tiếp yêu cầu của bài tập 1, phần Gợi ý. Cả lớp đọc thầm theo.  - GV hỏi: Hai đoạn văn vừa đọc tả hoạt động và tính cách của ai?  - GVnêu một số việc chính cần thực hiện:  + Đọc 2 đoạn văn và các CHyêu cầu trong khung Gợi ý.  + Trảlời yêu cầu:nhậnxétvềcáchtảhoạtđộng,tínhcáchcủabạn Thắng và cô Chấm  - GV cho HS thảo luận nhóm 4 để trả lời các câu hỏi ở BT1. Sau đó cho các nhóm hỏi đáp trước lớp (có thể cho hỏi đáp xen kẽ, mỗi người hỏi 1 câu, hoặc cho hỏi đáp hết lượt và đổi vai hỏi lại).  *+ Cách tả hoạt động,tínhcáchcủanhânvật.*  *+ Tác giả tả những hoạt động nào của nhân vật?*  *+ Các hoạt động đó được miêu tảtheotrìnhtựnhưthếnào?*  *+ Hoạtđộngcủa người được tả thể hiện điều gìvềtínhcách củanhânvật?*  *+ Tìm những từ ngữ,chitiếtthể hiện sự quan sát tinh tế và chính xác của tác giả.*  *+ Tácgiảthểhiện tìnhcảmđốivới nhân vật qua những từ ngữ, chi tiết nào?*  - Gọi đại diện một số nhóm báo cáo kết quả thảo luận  *-* GV nói thêm:  + Nên chọn miêu tả những chi tiết tiêu biểu về hoạt động, tính cách của người được tả.  + Cách sắp xếp các chi tiết thường thấy là theo trật tự trước – sau của các hoạt động(theo thời gian), nhưng người viết có thể sắp xếp theo ý của mình.  +Cầnthểhiệntìnhcảmcủabảnthânđốivớingườiđượctả;nênsửdụngtừngữ giàu hình ảnh, cách nói so sánh,... để miêu tả một cách sinh động. | - HS đọc nối tiếp yêu cầu bài tập 1, phần Gợi ý. Cả lớp đọc thầm.  - HS trả lời: Đoạn văn a: Tả bạn Thắng  Đoạn văn b: Tả cô Chấm  - HS lắng nghe  - HS thảo luận nhóm 4 để trả lời các câu hỏi ở BT1.  + a) Tảhoạtđộng,quađónói lêntínhcáchcủanhânvật.  b) Nêu nhận xét về tính cách của nhân vật và minh hoạ cho mỗi nhậnxétbằngmộthoặc một vài hoạt động.  + a) Tácgiảtảcáchoạtđộng: válưới,ngóngchờbạn,rahiệuvớibạn,đumìnhxuốngnước, lặn biến đi.  b) Tácgiảtảcáchoạtđộng:rađồng, ăn mặc, đi xem phim, khóc.  + a) Cáchoạtđộngđóđượcmiêu tả theo trình tự thời gian  b) Các hoạt động đó được miêu tả theo trình tự từ hoạt động lao độngđếncáchănmặc(chọntrangphục),cáchbộclộcảmxúc.  + a) Thắng là cậu bé chăm chỉ, nhanhnhẹn,khéoléo(chăm válưới,várấtkhéo);bơilặn giỏi (đu mình xuống nước êm không một tiếng động, lặn biến đi như một con cá).  b) Cô Chấm là người chăm chỉ (khônglàmthìchântaycứbứtrứt; rađồngtừsớmmồngHaiTết,dẫu có bắt ở nhà cũng không được).  Cô Chấm là người giản dị (không đua đòi may mặc; mộc mạc như hòn đất).  CôChấmrấtrắnrỏinhưnghay nghĩngợi,dễcảmthương(khóc khixemnhữngcảnhngộtrong phim; khóc cả trong giấc mơ)  + a) Một số từ ngữ, chi tiết: Tay cậu bé cầm kim tre đưa lên đưa xuống thoăn thoắt; nó rón rén, bám tay vào cọc chèo, đu mình xuống nước êm không một tiếng động; nó ngụp một cái, lặn biến đi như một con cá;...  b) Một số từ ngữ, chi tiết: Mùa hè, Chấmmặcmộtáocánhnâu;mùa đông hai áo cánh nâu; Chấm mộc mạc như hòn đất; Chấm hay nghĩ ngợi, dễ cảm thương: nhữngcảnhngộtrongphimlàm Chấmkhócgầnsuốtbuổi;trong giấc mơ, Chấm lại khóc.  + a) Tác giả chọn một số chi tiết tiêu biểu để thể hiện tình cảm của bản thân, dùng từ ngữphùhợpđểthểhiệntình cảm đối với người được tả (thoăn thoắt, thành thạo, êm không một tiếng động, lặn biến đi như một con cá, bọn trẻ vừa ghen vừa phục).  b) Tác giả chọn một số chi tiếttiêu biểu để thể hiện tình cảm của bản thân, dùng từ ngữ phù hợpđểthểhiệntìnhcảmđốivới ngườiđượctả(haylàmthựcsự, không đua đòi; mộc mạc như hòn đất, rắn rỏi, hay nghĩ ngợi, dễ cảm thương).  - Đại diện các nhóm trả lời.  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - HS lắng nghe |
| **C. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH, LUYỆN TẬP**  **Mục tiêu:**  - HS viết được đoạn văn tả hoạt động, tính cách của người; thể hiện được tình cảm của mình đối với người được tả. Đoạn văn mắc ít lỗi chính tả, ngữ pháp.  - HS viếtđượcđoạnvănmạchlạccómộtsốtừngữgiàuhìnhảnh,cảmxúc. | |
| **Hoạt động 2:Dựa theo dàn ý đã lập ở Bài 3 (trang 38), viết đoạn văn tả hoạt động, tính cách của một người bạn mà em quý mến. (BT 2)**  **\*Cách tiến hành:**  - Mời 1 HS đọc yêu cầu BT 2.  *-* GV hỏi:  + Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì?  + Khi tả hoạt động, tính cách của người, ta viết như thế nào?  - GV yêu cầu HSdựavàodànýđãlậpởBài3 (trang 38),viếtđoạnvănvàophiếubàitập(hoặcvởôli).  GVtạokhôngkhíyêntĩnhđểHSlàmbài;theodõi,giảiđápthắcmắcchoHS (nếuHSthắcmắc);khuyếnkhíchHS khá, giỏilựachọntừngữ,viếtcâucóhìnhảnh,thểhiện cảm xúc của bản thân.  - Gọi HSđọc lại bài viết, sửa lỗi, hoàn thiện bài viết.  - GV tuyên dương, sửa chữa sai sót (nếu có) | - HS đọc yêu cầu BT 2  - HS trả lời:  + Dựa theo dàn ý đã lập ở Bài 3 (trang 38), viết đoạn văn tả hoạt động, tính cách của một người bạn mà em quý mến.  + Đoạn văn cần viết phải theo trật tự trước – sau của các hoạt động nhưng cũng có thể sắp xếp theo ý của mình. Khiviết,cầnthểhiệncảmxúccủamìnhđốivớingườiđượctả;nên chọn những đặc điểm nổi bật về hoạt động, tính cách để tả bạn và nhớdùng từngữgiàuhìnhảnh, cách nóisosánhđểmiêutảmộtcáchsinhđộng.  - HS viết đoạn văn tả hoạt động, tính cách của một người bạn mà em quý mến vào phiếubàitập(hoặcvởôli).  - HS đọc đoạn văn mình viết.  - HS khác nhận xét. |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** | |
| - GV dặn HS về nhà sửa lại các lỗi mà mắc phải khi viết đoạn văn và viết lại đoạn văn theo yêu cầu.  - GV nhận xét tiết học, khen ngợi, biểu dương những HS viết tốt.  *- Dặn dò:* Dặn HS xem trước và chuẩn bị cho tiết Bài đọc 3: *Tục ngữ về ý chí, nghị lực.* | - HS lắng nghe  - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

**TIẾT 4: TIẾNG VIỆT TĂNG**

**LUYỆN TẬP VỀ TỪ ĐA NGHĨA**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Hiểu đặc điểm của từ đa nghĩa; nhận biết được từ đa nghĩa, nghĩa gốc và nghĩa chuyển trong từ đa nghĩa.

- Vận dụng những điều đã học để xác định từ đa nghĩa, xác định nghĩa gốc và nghĩa chuyển của từ đa nghĩa.

- Có ý thức dùng từ, câu phù hợp khi nói, viết.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy tính, máy chiếu.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **1. Hoạt động khởi động** |  | |
| - Cho HS chơi trò chơi "Hỏi nhanh, đáp đúng": Từ  ***đi*** trong các câu sau, câu nào mang nghĩa gốc, câu nào mang nghĩa chuyển?  *a) Ca nô đi nhanh hơn thuyền.*  *b) Anh đi ô tô, còn tôi đi xe đạp.*  *c) Bà cụ ốm nặng đã đi từ hôm qua.*  *d) Thằng bé đã đến tuổi đi học.*  *e) Nó chạy còn tôi đi.*  *g) Anh đi con mã, còn tôi đi con tốt.*  *h) Ghế thấp quá, không đi với bàn được.*  - GV nhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi bảng | - Quản trò nêu cách chơi, sau đó đọc 1 câu rồi chỉ định 1 HS trả lời, cứ như vậy lại chuyển sang HS khác cho đến khi hết câu hỏi thì dừng lại.  - HS nghe  - HS ghi vở | |
| **2.Hoạt động luyện tập, thực hành** | | |
| **Bài 1**: Trong những câu nào, các từ ***mắt, chân, đầu*** mang nghĩa gốc? Trong những câu nào, chúng mang nghĩa chuyển?   |  |  | | --- | --- | | a) Mắt | - Đôi mắt em bé mở to.  **-** Quả na mở mắt. | | b) Chân | - Lòng ta vẫn vững như kiềng ba chân.  - Bé đau chân. | | c) | - Khi viết em đừng ngoẹo đầu.  - Nước suối đầu nguồn rất trong. |   - Gọi HS đọc yêu cầu và nội dung bài - Yêu cầu HS tự làm bài  - GV nhận xét, kết luận  - Cho HS nêu nghĩa của từng từ.  **Bài 2:** Gạch chân dưới từ mang nghĩa chuyển trong mỗi từ sau?  a, cái lưỡi, lưỡi liềm, đau lưỡi, thè lưỡi.  b, nhổ răng, răng cưa, răng hàm, khoa răng hàm mặt.  c, mũi dao, nhỏ mũi, ngạt mũi, thớnh mũi.  - Gv gợi ý HS: Tìm từ mang nghĩa gốc sau đó tìm từ mang nghĩa chuyển.  - Gọi học sinh trình bày kết quả.  + Vì sao chọn đó là nghĩa chuyển?  **Bài 3**:Cho biết những từ gạch chân trong các kết hợp sau mang nghĩa gốc hay nghĩa chuyển.  a. Hãy đứng1 lên, người đứng2 đầu nhà nước, trời đứng3 gió, dốc dựng đứng4.  b. Cam ngọt1, nói ngọt2, dỗ ngọt3.  c. Đầu1 người, đầu2 van, đầu3 cầu, đầu4 làng, đầu5 sông, đầu6 lưỡi.  - KKHS nêu nghĩa của những từ gạch chân trong các kết hợp từ trên.  **Bài 4:**Đặt câu để phân biệt nghĩa của từ xuân, cân:  a. Cân: - Dụng cụ đo khối lượng.  - Hoạt động đo khối lượng bằng cái cân.  - Có hai phần ngang nhau, không lệch.  b. Xuân:  - Mùa đầu của một năm, từ tháng giêng đến tháng ba.  - Chỉ sức trẻ, tuổi trẻ.  - Chỉ tuổi.  - GV chấm, chữa bài. HS đặt câu văn hay, giàu hình ảnh | | | - HS đọc.  - HS làm vào vở - gạch một gạch dưới từ mang nghĩa gốc, gạch hai gạch dưới từ mang nghĩa chuyển, chia sẻ kết quả.  a) - Đôi mắt em bé mở to.  -Quả na mở mắt.  b) - Lòng ta vẫn vững như kiềng ba chân.  - Bé đau chân.  c) - Khi viết em đừng ngoẹo đầu  - Nước suối đầu nguồn rất trong  - HS nối tiếp nhau giải thích.  + *Mắt*: bộ phận của người hay động vật dùng để nhìn. *Mắt* trong *quả na mở mắt* là bộ phận giống hình con mắt ở vỏ ngoài của quả.  + *Chân*: bộ phận dưới cùng của người hay động vật dùng để đi lại. *Kiềng ba chân: chân* là bộ phận dưới cùng của đồ dùng có tác dụng đỡ cho các bọ phận khác.  + *Đầu*: Bộ phận trên cùng của thân thể con người hay phần trước nhất của cơ thể động vật nơi có bộ óc và hiều giác quan. *Đầu nguồn*: là điểm xuất phát của một khoảng không gian.  - HS đọc đề.  - HS tự làm bài.  - Lớp nhận xét, chữa bài:  *a, lưỡi liềm; b, răng cưa;*  *c, mũi dao.*  - Dựa vào nội dung của từng câu; nghĩa nào là nghĩa trực tiếp, gần gũi, quen thuộc, “dễ hiểu” thì đó là nghĩa gốc.  - Dựa vào nghĩa của từ, nghĩa đó được hình thành trên cơ sở nghĩa gốc, có mối quan hệ mật thiết với nghĩa gốc.  - HS làm bài vào vở.  - HS tự làm bài, báo cáo kết quả, cả lớp theo dõi, nhận xét và bổ sung.  Đáp án:  a. đứng 1: nghĩa gốc; đứng 2, 3, 4 mang nghĩa chuyển.  b. ngọt 1: nghĩa gốc; ngọt 2, 3 mang nghĩa chuyển.  c. đầu 1: nghĩa gốc; đầu 2, 3, 4, 5, 6 mang nghĩa chuyển.  - HS đọc bài và làm việc theo nhóm 4.  - HS đặt câu đúng ngữ pháp, đúng văn cảnh.  VD : a. Cái cân này rất hiện đại.  - Anh cân giúp em mấy quả cam này.  - Bức tranh trên tường treo không cân.  b) Mùa xuân cây cối đâm chồi nảy lộc.  - Những người phụ nữ anh hùng đã hi sinh cả tuổi thanh xuân của mình cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc.  - Khi người ta đã ngoài 70 xuân thì tuổi tác càng cao, sức khỏe càng thấp. | |
| **3. Hoạt động vận dụng, sáng tạo** | | | | |
| + Thế nào là từ đa nghĩa?  + Thế nào là nghĩa gốc?  + Thế nào là nghĩa chuyển?  - Thay thế từ ***ăn*** trong các câu sau bằng từ thích hợp:  *a) Tàu ăn hàng ở cảng.*  *b) Cậu làm thế dễ ăn đòn lắm.*  *c) Da bạn ăn phấn lắm.*  *d) Hồ dán không ăn giấy.* | | | + Là từ nhiều nghĩa, trong đó có một nghĩa gốc và một (hay một số) nghĩa chuyển.  + Nghĩa gốc là nghĩa chính của từ.  + Nghĩa chuyển là nghĩa của từ được suy ra từ nghĩa gốc.  - HS làm bài và lần lượt trình bày:  - Từ thích hợp: ***bốc, xếp*** hàng.  - Từ thích hợp: ***bị*** đòn  - Từ thích hợp: ***bắt*** phấn  - Từ thích hợp: không ***dính*** | |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

**............................................................**

**Buổi chiều TIẾT 1: KHOA HỌC**

**BÀI 5: NĂNG LƯỢNG VÀ NĂNG LƯỢNG CHẤT ĐỐT (TIẾT 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**:

Trong bài học này, HS sẽ tìm hiểu:

* Một số nguồn năng lượng thông dụng và việc sử dụng chúng trong cuộc sống hằng ngày.
* Một số nguồn năng lượng chất đốt và vai trò của chúng trong đời sống và sản xuất.
* Biện pháp phòng chống cháy, nổ, ô nhiễm khi sử dụng năng lượng chất đốt.
* Việc làm thiết thực để tiết kiệm năng lượng chất đốt.

**2. Năng lực**:

***Năng lực chung:***

* *Năng lực tự chủ và tự học:* Tích cực tìm hiểu về năng lượng, năng lượng chất đốt và việc sử dụng chúng trong cuộc sống; chủ động hoàn thành các nhiệm vụ được giao.
* *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Tham gia nhiệm vụ nhóm, chia sẻ ý kiến, trình bày kết quả nhóm.
* *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Đề xuất cách sử dụng nguồn năng lượng chất đốt mà không gây cháy nổ, ô nhiễm môi trường.

***Năng lực khoa học tự nhiên:***

* Trình bày được một số nguồn năng lượng thông dụng và việc sử dụng chúng trong cuộc sống hằng ngày.
* Nêu được một số nguồn năng lượng chất đốt và vai trò của chúng trong đời sống và sản xuất.
* Trình bày được biện pháp phòng chống cháy, nổ, ô nhiễm khi sử dụng năng lượng chất đốt.
* Nêu và thực hiện được việc làm thiết thực để tiết kiệm năng lượng chất đốt.

**3. Phẩm chất**:

* *Nhân ái*: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
* *Chăm chỉ*: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi, làm tốt các bài tập.
* *Trách nhiệm*: Có ý thức và thực hiện sử dụng năng lượng chất đốt an toàn, tiết kiệm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Đối với giáo viên:**

* Giáo án, máy tính, máy chiếu.
* Hình ảnh, video liên quan đến bài học.
* Phiếu học tập.

**2. Đối với học sinh:**

* SHS.
* Dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** HS nêu được nguồn năng lượng chất đốt với hiểu biết ban đầu.  **b. Cách tiến hành:**  - Nêu Nguồn năng lượng cung cấp cho HĐ của con người  **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 2: Tìm hiểu nguồn năng lượng thông dụng ở địa phương**  **a. Mục tiêu:** Trình bày được một số nguồn năng lượng thông dụng ở địa phương và việc sử dụng các nguồn năng lượng đó hằng ngày.  **b. Cách tiến hành:**  - GV chia lớp thành các nhóm 4.  - GV yêu cầu HS quan sát các hình sau.    - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm, từ hình trên và kiến thức đã học, liên hệ thực tế để trả lời câu hỏi: *Trình bày một số nguồn năng lượng thông dụng ở địa phương em và việc sử dụng chúng trong cuộc sống hằng ngày.*  - GV mời đại diện 2 – 3 HS xung phong trả lời. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét, tuyên dương HS trả lời đúng.  - GV nhận xét, tuyên dương HS có ý thức sử dụng chất đốt an toàn, tiết kiệm.  **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:** HS củng cố lại các kiến thức đã học về năng lượng và năng lượng chất đốt.  **b. Cách thức thực hiện:**  - GV chia lớp thành 4 nhóm, phát cho mỗi nhóm một bộ thẻ các đáp án (A, B, C, D). GV tổ chức cho HS chơi trò *trắc nghiệm*.  - GV nêu luật chơi:  *+ GV chiếu câu hỏi, sau khi GV đọc xong câu hỏi, GV chiếu các đáp án.*  *+ Theo hiệu lệnh của GV, đại diện các nhóm lần lượt giơ thẻ đáp án của nhóm mình.*  *+ Nhóm nào trả lời được nhiều đáp án đúng nhất sẽ chiến thắng.*  - GV mời cả cả lớp cùng tham gia trò chơi:  ***Câu 1:*** *Con người lấy năng lượng từ*  *A. thức ăn.*  *B. gió.*  *C. nước.*  *D. chất đốt.*  ***Câu 2:*** *Thuyền buồm sử dụng năng lượng*  *A. Mặt Trời.*  *B. gió.*  *C. xăng.*  *D. điện.*  ***Câu 3:*** *Ý nào sau đây* ***không*** *phải năng lượng chất đốt?*  *A. Than đá.*  *B. Dầu mỏ.*  *C. Khí sinh học.*  *D. Điện.*  - Với mỗi câu hỏi, GV mời đại diện nhóm trả lời đúng giải thích tại sao các đáp án còn lại sai. Các nhóm khác chú ý lắng nghe để nhận xét. GV chốt lại đáp án sau mỗi câu hỏi.  - Kết thúc trò chơi, GV nhận xét chung, công bố nhóm chiến thắng và tuyên dương.  **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**  **a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết một số vấn đề.  **b. Cách thức thực hiện**:  - GV nêu câu hỏi: *Sử dụng các từ ngữ: đốt cháy, tỏa nhiệt, năng lượng để điền vào chỗ ... trong đoạn văn dưới đây cho phù hợp.*  *“Khi bị (1) ..................., củi phát ra ánh sáng và (2) ................... làm môi trường xung quanh sáng và nóng lên, có thể làm chín thức ăn. Củi bị đốt cháy đã cung cấp (3) .................... để phát sáng và đun, nấu thức ăn.”*  - GV mời đại diện 2 – 3 HS trả lời. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét, tuyên dương HS có câu trả lời tốt và chốt lại câu trả lời đúng.  **\* CỦNG CỐ**  - GV tổng kết lại nội dung kiến thức chủ yếu của cả bài học về năng lượng và năng lượng chất đốt.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia củaHS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  **\* DẶN DÒ**  - Ôn tập kiến thức đã học*.*  - Làm bài tập trong VBT. | - HS nêu  - HS chia nhóm theo hướng dẫn của GV.  - HS quan sát hình.  - HS lắng nghe yêu cầu của GV.  - HS trả lời, ví dụ: *Một số nguồn năng lượng thông dụng ở địa phương em:*  *+ Thức ăn ⇒ cung cấp năng lượng cho các hoạt động sống của con người.*  *+ Chất đốt ⇒ làm chín thức ăn; cung cấp năng lượng cho xe máy, ô tô,... hoạt động.*  *+ Điện ⇒ cung cấp năng lượng cho nhiều thiết bị (quạt, điều hòa, ti vi,...) hoạt động.*  *...*  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS trả lời:  *Câu 1. A.*  *Câu 2. B.*  *Câu 3. D.*  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe GV nêu câu hỏi.  - HS trả lời:  *(1) đốt cháy.*  *(2) tỏa nhiệt.*  *(3) năng lượng.*  - HS lắng nghe, chữa bài.  - HS lắng nghe, ghi nhớ nội dung kiến thức trọng tâm.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm cho các tiết học sau.  - HS chú ý lắng nghe và về nhà thực hiện các yêu cầu của GV. |

**..........................................................................**

**TIẾT 2: TOÁN TĂNG**

**ÔN TẬP HÉC-TA**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- HS đọc, viết được các số đo diện tích theo đơn vị đo diện tích héc-ta, đổi được số đo diện tích 1ha = 10 000m2; 10 000m2 = 1ha.

- HS vận dụng được kiến thức đã học để giải quyết một số vấn đề thực tế có liên quan đến đơn vị đo diện tích héc-ta.

- HS chủ động hoàn thành các nhiệm vụ học tập, yêu thích, say mê học Toán, có trách nhiệm với công việc chung của nhóm. Lắng nghe, tôn trọng, giúp đỡ bạn cùng tiến bộ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy chiếu, máy tính.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **1. Hoạt động khởi động** | | |
| - GV cho HS nhắc lại các đơn vị đo DT đã học, mối quan hệ giữa m2 và ha.  - GV gọi HS chia sẻ trước lớp.  - Cho học sinh tổ chức chơi trò chơi  "Ai nhanh, ai đúng" với nội dung sau:  7ha = … m2 ha = …m2  16ha = …m2 ha = …m2  - GV nhận xét.  - GV cho nhận xét và giới thiệu bài. | - HS nhắc lại.  - HS chia sẻ trước lớp.  - HS chia thành 2 đội, mỗi đội 8 bạn thi tiếp sức, đội nào đúng và nhanh hơn thì chiến thắng.  7ha = 70 000m2 ha = 1 000m2  16ha = 160 000m2 ha = 2 500m2  - HS lắng nghe. | |
| **2. Hoạt động luyện tập, thực hành** | | |
| **Bài 1:** Viết số thích hợp vào chỗ chấm:  a) 8ha = … m2 675ha = … m2  ha = … m2  b) 80 000m2 = …ha 200 000m2 = …ha  360 000 m2 = …ha  - Tổ chức cho HS làm bài cá nhân.  - GV nhận xét, chốt cách đổi đúng.  => Củng cố mối quan hệ giữa m2 và ha. | - HS đọc, xác định yêu cầu BT.  - HS làm vở rồi chia sẻ theo cặp.  - HS chia sẻ bài làm trước lớp.  - HS giải thích cách làm.  - Lớp nhận xét.  a) 8ha = 80 000m2 675ha = 6 750 000m2  ha = 100m2  b) 80 000m2 = 8ha 200 000m2 = 20ha  360 000 m2 = 36ha | |
| **Bài 2:** Tính bằng cách thuận tiện nhất  a) 24ha x 8 + 24ha x 2  b) 16m2 x 23 + 16m2 x 6 + 16m2  - GV tổ chức cho HS làm bài.  - Cho HS chia sẻ cách làm.  - GV nhận xét, chốt cách làm đúng.  => Củng cố cách thực hiện các phép tính có kèm theo đơn vị đo diện tích. | - HS đọc, xác định yêu cầu BT.  - HS làm bài theo nhóm đôi.  - Đại diện một số nhóm chia sẻ cách làm.  a) 24ha x 8 + 24ha x 2  = 24ha x (8 + 2)  = 24ha x 10 = 240ha  b) 16m2 x 23 + 16m2 x 6 + 16m2  = 16m2 x 23 + 16m2 x 6 + 16m2 x 1  = 16m2 x (23 + 16 + 1)  = 24m2 x 40 = 960m2 | |
| **Bài 3:** Một khu đấthình chữ nhật có chiều dài 200m, chiều rộng bằng chiều dài. Hỏi diện tích khu đất đó bằng bao nhiêu mét vuông, bằng bao nhiêu héc-ta?  - GV gọi HS xác định yêu cầu BT.  - GV cho HS suy nghĩ rồi chia sẻ theo cặp đôi.  - GV cho HS chia sẻ bài làm.  - GV cho nhận xét kết quả, tuyên dương HS tích cực.  => Củng cố dạng toán Tìm phân số của một số; Diện tích hình chữ nhật. | - HS đọc, xác định yêu cầu BT.  - HS suy nghĩ rồi chia sẻ theo cặp đôi:  - HS chia sẻ bài trước lớp, HS khác bổ sung cho bạn.  Bài giải  Chiều rộng của khu đất hình chữ nhật là:  200 x  = 50 (m)  Diện tích của khu đất hình chữ nhật là:  200 x 50 = 10 000 (m2)  Đổi: 10 000m2 = 1ha  Đáp số: 10 000m2; 1ha  - HS lắng nghe. | |
| **Bài 4:** Một khu ruộng có chu vi là 360m. Chiều rộng bằng chiều dài.  a) Diện tích thửa ruộng là bao nhiêu héc-ta?  b) Người ta cấy lúa trung bình cứ 100m2 thì thu hoạch được 75kg thóc. Hỏi trên thửa ruộng đó người ta thu hoạch được bao nhiêu tạ thóc?  - GV gọi HS đọc nội dung bài toán.  - Tổ chức cho HS suy nghĩ, chia sẻ cách làm trong nhóm đôi.  - Cho HS chia sẻ cách làm trước lớp.  - Cho HS làm vở.  - GV cho nhận xét kết quả, tuyên dương HS tích cực.  => Củng cố dạng toán tổng – tỉ, Diện tích hình chữ nhật. | - HS đọc, xác định dạng toán.  - HS suy nghĩ rồi chia sẻ cách làm theo cặp.  - HS chia sẻ trước lớp, HS khác bổ sung cho bạn.  - 1 HS lên bảng làm, lớp làm vở.  Bài giải  a) Nửa chu vi của khu ruộng đó là:  360 : 2 = 180 (m)  Chiều rộng khu ruộng đó là:  180 : (2 + 7) x 2 = 40 (m)  Chiều dài khu ruộng đó là:  180 – 40 = 140 (m)  Diện tích thửa ruộng đó là:  140 x 40 = 5 600 (m2 )  Đổi: 5 600m2 = 0,56ha  b) Trên thửa ruộng đó người ta thu hoạch được số tạ thóc là:  75 x (5 600 : 100) = 4 200 (kg)  Đổi: 4 200kg = 42tạ  Đáp số: a) 0,56ha; b) 42tạ  - HS chữa bài trên bảng, nhận xét. | |
| **3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm** | | |
| - GV cho HS nhắc lại các đơn vị đo DT đã học, mối quan hệ giữa m2 và ha.  - Gv giới thiệu thêm để HS biết  + Miền Bắc : 1ha = 2,7 mẫu ( 1 mẫu = 10 sào, 1 sào Bắc Bộ = 360 m2)  + Miền Trung : 1ha = 2,01 mẫu ( 1 mẫu = 4970 m2, 1 sào Trung bộ = 497m2)  + Miền Nam: 1 ha = 10 công đất ( 1 công đất = 1000m2)  - GV yêu cầu HS về nhà tìm hiểu thêm DT của một số vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, sân vận động, … và chia sẻ cho bạn cùng biết. | | - HS nhắc lại.  - HS lắng nghe, mở rộng hiểu biết.  - HS lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**TIẾT 3: SINH HOẠT**

**HĐTN:** *Chủ đề 2: Hành trình khôn lớn (tháng 10)*

*Nhật ký kiểm soát cảm xúc của em*

**Sinh hoạt lớp**

**PHẦN 1: HĐTN**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

*Sau bài học này, HS sẽ:*

* Nhận diện được khả năng kiểm soát cảm xúc của bản thân.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

* *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.
* *Năng lực tự chủ và tự học:* biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.
* *Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

***Năng đặc thù:***

* *Năng lực thích ứng với cuộc sống:* nhận diện được cảm xúc của bản thân.
* *Năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động:* thực hiện nhận diện khả năng cảm xúc của bản thân và tự đánh giá.

**3. Phẩm chất**

* *Trách nhiệm:* có trách nhiệm với nhiệm vụ được giao trong hoạt động nối tiếp và các hoạt động trong nhóm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Đối với giáo viên**

* Giáo án, SGK, VBT Hoạt động trải nghiệm 5.
* Phiếu tổng hợp tư liệu, sản phẩm cá nhân,…
* Tranh, ảnh liên quan đến chủ đề

**2. Đối với học sinh**

* SGK, VBT Hoạt động trải nghiệm 5.
* Thực hiện nhiệm vụ trong SBT trước khi đến lớp.
* Đồ dùng học tập theo yêu cầu của GV.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**Nhật kí kiểm soát cảm xúc của em**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **Hoạt động 1: Hoạt động tổng kết tuần**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS:  - Tổng kết được những việc đã làm được trong tuần vừa qua.  - Bầu chọn được ban cán sự lớp cho năm học mới  **b. Cách tiến hành**  - GV ổn định trật tự lớp học, tổng kết những hoạt động của tuần 7 và nêu những kế hoạch học tập và hoạt động trong tuần 8.  - GV nhận xét về ý thức học tập của một số bạn trong lớp và tiến hành tuyên dương bạn có ý thức tốt, nhắc nhở bạn có ý thức chưa tốt.  **Hoạt động 2: Nhật kí kiểm soát cảm xúc của em**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS:  - Chia sẻ được nhật kí kiểm soát cảm xúc của bản thân.  - Học hỏi được những kinh nghiệm kiểm soát cảm xúc của các bạn.  **b. Cách tiến hành**  ***Nhiệm vụ 1: Chia sẻ nhật kí kiểm soát cảm xúc của em***  - GV hướng dẫn HS chia sẻ theo nhóm về nhật kí kiểm soát cảm xúc của bản thân theo các gợi ý:  + Tình huống xảy ra.  + Cách ứng xử của em.  + Tự đánh giá khả năng kiểm soát cảm xúc của bản thân trong các tình huống đó: tốt, trung bình hay chưa tốt.    ***Nhiệm vụ 2. Học hỏi kinh nghiệm và chia sẻ điều cần rèn luyện.***  - GV mời một số HS chia sẻ trước lớp theo gợi ý:  + Điều em học hỏi được về kinh nghiệm kiểm soát cảm xúc của các bạn.  + Điều em thấy mình cần rèn luyện để có khả năng kiểm soát cảm xúc tốt hơn  - GV nhận xét, đánh giá, ghi nhận đáp án hợp lí.  **\* CỦNG CỐ**  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  **\* DẶN DÒ**  - GV nhắc nhở HS:  + Ôn tập kiến thức đã học.  + Chuẩn bị trước ***Chủ đề 2 – Tuần 8.*** | - HS chú ý lắng nghe  - HS lắng nghe và vỗ tay tuyên dương những bạn có ý thức tốt, động viên những bạn còn kém.  - HS lắng nghe.  - HS chia sẻ trước lớp.  - HS lắng nghe,tiếp thu.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, ghi chú. |

**PHẦN 2: SINH HOẠT LỚP**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT :***Giúp HS:*

- Nắm đ­­ược ưu - khuyết điểm trong tuần

- Phát huy ­­ưu điểm, khắc phục nh­­ược điểm.

- Biết đ­­ược phư­ơng h­­ướng tuần tới.

- GD HS có tinh thần đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau.

- Biết đư­­ợc truyền thống nhà trư­­ờng.

- Thực hiện an toàn giao thông khi đi ra đư­­ờng.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV: Sổ theo dõi

- HS: Các mảng chuẩn bị nội dung.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

***1. Lớp hát đồng ca***

***2. Lớp báo cáo hoạt động trong tuần:***

- Lớp trưởng và 3 tổ trư­­ởng nhận xét hoạt động của lớp, tổ trong tuần qua. Tổ viên đóng góp ý kiến.

- GV nhận xét chung:

+ Nề nếp:....................................................................................................

+ Học tập:...........................................................................................................

- Tiếp tục thi đua: Học tập tốt, thực hiện tốt nề nếp, vâng lời thầy cô, nói lời hay làm việc tốt.

***4. Tuyên dương – Nhắc nhở:***

- Tuyên dương:..............................................................................................................

- Phê bình:...................................................................................................................

...........................................................................................

*Duyệt ngày......tháng ... năm 2024*

|  |  |
| --- | --- |
|  | ***Phó hiệu trưởng***  ***Nguyễn Thị Hằng*** |